



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1201020046	Đinh Thu	An	07/12/2006	KD12A	01	6,0	01	37	An	
2	000002	1201020058	Lê Phương	Anh	14/01/2006	KD12A	01	10	02	36	Phương	
3	000003	1201020070	Nguyễn Quế	Anh	24/10/2006	KD12A	01	6,0	03	35	Anh	
4	000004	1201020079	Phạm Hải	Anh	17/11/2006	KD12A	01	7,5	04	34	Hải	
5	000005	1201020085	Trần Diệu	Anh	03/10/2006	KD12A	01	4,0	05	33	Diệu	
6	000006	1201021663	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	10/01/2006	KD12A	01	6,5	06	32	Ánh	
7	000007	1201021792	Phan Lưu Minh	Ánh	23/05/2004	KD12A	01	2,0	07	31	Minh	
8	000008	1201020109	Phạm Quỳnh	Chi	19/06/2006	KD12A	01	1,5	08	30	Chi	
9	000009	1201021692	Phạm Thành	Đạt	02/09/2006	KD12A	01	2,0	16	45	Đạt	
10	000010	1201020115	Đào Ngọc	Diệp	06/04/2006	KD12A	01	7,0	15	44	Diệp	
11	000011	1201021694	Đỗ Xuân	Đức	09/08/2004	KD12A	01					Vắng
12	000012	1201020128	Dương Anh	Dũng	05/08/2006	KD12A	01	2,0	14	43	Dũng	
13	000013	1201020135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/01/2006	KD12A	01	5,5	13	42	Thùy	
14	000014	1201021484	Đỗ Thị Hương	Giang	12/11/2006	KD12A	01	3,5	12	38	Hương	
15	000015	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	01	2,0	11	39	Hà	
16	000016	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	01	2,0	10	40	Hằng	
17	000017	1201021768	Ngô Thị	Hào	28/09/2006	KD12A	01	3,5	9	41	Hào	
18	000018	1201021821	Trần Thị Thu	Hiền	02/10/2006	KD12A	01	3,5	20	50	Hiền	
19	000019	1201020189	Đặng Thu	Hương	23/05/2004	KD12A	01	8,0	19	51	Hương	
20	000020	1201020204	Lê Thị Trần	Huyền	05/07/2006	KD12A	01	3,0	18	52	Huyền	
21	000021	1201020212	Nguyễn Thu	Huyền	01/01/2006	KD12A	01	2,0	17	46	Huyền	
22	000022	1201020218	Nguyễn Lê Đăng	Khánh	14/07/2006	KD12A	01	3,5	22	47	Khánh	
23	000023	1201020222	Thân Tuấn	Kiệt	17/08/2006	KD12A	01	2,0	23	48	Tuấn	
24	000024	1201020231	Nguyễn Lê Phương	Lan	16/12/2006	KD12A	01	2,0	24	49	Lan	
25	000025	1201021763	Đặng Thị Thùy	Linh	28/09/2006	KD12A	01					Vắng
26	000026	1201020646	Đinh Thị Diệu	Linh	16/08/2006	KD12A	01	2,0	25	58	Diệu	
27	000027	1201020251	Nguyễn Thái Thùy	Linh	05/05/2006	KD12A	01	2,0	26	57	Linh	
28	000028	1201021495	Phạm Phương	Linh	19/07/2006	KD12A	01	3,0	27	56	Phương	
29	000029	1201020267	Trần Hồng	Loan	25/07/2006	KD12A	01	5,0	29	53	Loan	
30	000030	1201020276	Đỗ Thị Khánh	Ly	10/12/2006	KD12A	01	3,5	30	54	Ly	
31	000031	1201020288	Nguyễn Thị Như	Mai	25/11/2006	KD12A	01	10	37	55	Như	

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày 25 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Việt Phương

Phạm Việt Phương



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

Số máy

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000032	1201020297	Hoàng Thị Trà	My	22/12/2006	KD12A	01	Không		30	Nga	01
2	000033	1201021497	Đoàn Thị Thu	Nga	29/07/2006	KD12A	01	Mười		33	Nga	39
3	000034	1201020311	Lê Thị	Ngân	02/04/2006	KD12A	01	9,5		31	Ngân	03
4	000035	1201021500	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	05/10/2006	KD12A	01	6,5		57	Ngọc	05
5	000036	1201020333	Khuong Thị Uyên	Nhi	26/08/2006	KD12A	01	3,0		32	Nhi	06
6	000037	1201020350	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/03/2006	KD12A	01	Mười		33	Oanh	07
7	000038	1201021787	Lý Thu	Phuong	14/10/2006	KD12A	01	5,0		34	Phuong	08
8	000039	1201020367	Vũ Minh	Quang	25/08/2005	KD12A	01	2,0		35	Quang	16
9	000040	1201021506	Hoàng Ngọc	Son	17/04/2004	KD12A	01					HP,ĐK
10	000041	1201020384	Đàm Thanh	Thảo	02/08/2005	KD12A	01	5,0		36	Thảo	14
11	000042	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD12A	01	2,5		37		13
12	000043	1201020395	Trần Thị Thanh	Thảo	04/09/2006	KD12A	01	4,5		32	PZ	11
13	000044	1101021039	Vũ Thị	Thảo	13/01/2005	KD12A	01	2,0		39	Thảo	HP
14	000045	1201020399	Đỗ Thị	Thu	30/08/2005	KD12A	01	3,0		41	Thu	19
15	000046	1201020410	Nguyễn Anh	Thư	21/12/2006	KD12A	01	7,5		54	thư	37
16	000047	1201020419	Vũ Thị Thu	Thủy	22/07/2006	KD12A	01	3,0		40	Thủy	17
17	000048	1201020428	Đinh Quỳnh	Trang	09/10/2006	KD12A	01	7,5		48	Trang	31
18	000049	1201021514	Nguyễn Huyền	Trang	23/12/2006	KD12A	01	2,0		43	trang	21
19	000050	1201020438	Nguyễn Quỳnh	Trang	04/12/2006	KD12A	01	4,5		44	Tray	22
20	000051	1201020448	Phạm Hà	Trang	11/12/2006	KD12A	01	8,0		45	Trang	23
21	000052	1201021517	Vũ Thị Thu	Trang	19/07/2006	KD12A	01					HP,ĐK
22	000053	1201020461	Nguyễn Đăng	Tuấn	26/09/2006	KD12A	01	6,0		46	Tuấn	24
23	000054	1201020470	Phạm Hồng	Vân	31/12/2006	KD12A	01	4,0		47	Vân	32
24	000055	1201020479	Lê Thị	Vui	04/12/2005	KD12A	01	3,5		49	Vui	29
25	000056	1201020487	Dư Hải	Yến	11/08/2006	KD12A	01	4,5		42	Yen	28
26	000057	1201020051	Dương Huyền Phương	Anh	30/10/2006	KD12B	02	9,0		50	Anh	27
27	000058	1201020080	Phạm Huyền	Anh	03/07/2005	KD12B	02					ĐK
28	000059	1201020089	Trần Thị Ngọc	Anh	30/08/2006	KD12B	02	4,0		51	Anh	26
29	000060	1201020095	Hoàng Thị Kim	Ánh	02/09/2006	KD12B	02	7,0		52	Anh	25
30	000061	1201020103	Đoàn Linh	Chi	24/04/2006	KD12B	02	Mười		55	Chi	36
31	000062	1201020110	Tăng Yến	Chi	19/10/2006	KD12B	02	8,5		56	Chi	35

Tổng số sinh viên dự thi: 28....

Tổng số tờ giấy thi: 28....

Tổng số biên bản: 12....

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Huy Anh

Đỗ Thị Tuyết Mai



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000063	1201021817	Nguyễn Trung	Đức	01/07/2006	KD12B	02	5,3	1	30	Đức	
2	000064	1201020126	Trần Thị Phương	Dung	14/03/2006	KD12B	02	9,5	2	31	Dung	
3	000065	1201021800	Nguyễn Đức	Dũng	06/01/2006	KD12B	02	2,5	3	32	Dũng	
4	000066	1201020131	Đỗ Thị Ánh	Dương	19/06/2006	KD12B	02	2,5	4	33	Dương	
5	000067	1201021695	Nguyễn Thị Thùy	Dương	08/03/2006	KD12B	02	7,0	5	34	Dương	
6	000068	1201020142	Lại Hương	Giang	01/01/2006	KD12B	02	6,5	6	35	Giang	
7	000069	1201020151	Nguyễn Thúy	Hà	10/05/2006	KD12B	02	6,5	37	36	Hà	
8	000070	1201021811	Phạm Thị Thúy	Hằng	02/07/2006	KD12B	02	8,5	9	42	Hằng	
9	000071	1201021776	Đỗ Thanh	Hiền	25/10/2004	KD12B	02	4,5	10	41	Hiền	
10	000072	1201020177	Lê Thị Quỳnh	Hoa	28/09/2006	KD12B	02	4,5	11	40	Quỳnh	
11	000073	1201020181	Hoàng Thu	Hoài	04/02/2006	KD12B	02	6,0	12	39	Hoài	
12	000074	1201021774	Hà Hoàng Quỳnh	Hương	28/06/2006	KD12B	02					HP,ĐK
13	000075	1201020197	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/11/2006	KD12B	02	2,8	13	38	Hương	
14	000076	1201021490	Vũ Khánh	Huyền	18/03/2006	KD12B	02	5,0	14	37	Huyền	
15	000077	1201020232	Nguyễn Thị	Lan	11/10/2006	KD12B	02	9,3	17	43	Lan	
16	000078	1201021492	Đào Thị Khánh	Linh	26/10/2006	KD12B	02	4,5	19	44	Linh	
17	000079	1201020258	Trần Ngọc	Linh	30/06/2006	KD12B	02	8,0	20	45	Linh	
18	000080	1201020263	Lê Thanh	Loan	24/10/2006	KD12B	02	8,5	21	46	Loan	
19	000081	1201020268	Nguyễn Thành	Long	22/04/2006	KD12B	02	4,5	22	47	Long	
20	000082	1201020277	Lê Cẩm	Ly	16/01/2006	KD12B	02	8,5	23	48	Ly	
21	000083	1201020298	Lê Thị Huyền	My	22/07/2006	KD12B	02	4,5	24	49	My	
22	000084	1201021771	Nguyễn Thị	Nga	20/09/2006	KD12B	02	9,0	25	34	Nga	
23	000085	1201020308	Khương Thị	Ngân	02/05/2006	KD12B	02	3,0	28	32	Ngân	
24	000086	1201020312	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/08/2006	KD12B	02	9,0	30	30	Ngân	
25	000087	1201020325	Vũ Minh	Nguyệt	06/07/2006	KD12B	02	4,5	32	59	Nguyệt	
26	000088	1201020335	Nguyễn Nguyệt	Nhi	20/10/2006	KD12B	02	4,0	31	60	Nhi	
27	000089	1201021773	Hoàng Tuyết	Nhung	08/10/2006	KD12B	02	3,0	29	31	Nhung	
28	000090	1201020359	Ngô Thị Minh	Phuong	19/02/2006	KD12B	02	2,0	33	56	Phuong	
29	000091	1201020368	Ngô Ngọc	Quỳnh	03/03/2006	KD12B	02	6,5	34	57	Quỳnh	
30	000092	1201020385	Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	02	6,0	36	58	Thảo	
31	000093	1201021810	Nguyễn Phương	Thảo	01/07/2006	KD12B	02	5,5	27	33	Thảo	

Tổng số sinh viên dự thi: 30...

Tổng số tờ giấy thi: 30....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 25 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngô T. Thu Hương

Trương Thị Bích



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000094	1201020393	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/08/2006	KD12B	02	3,5		30	et	
2	000095	1201020400	Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	02	8,0		32	Thu	
3	000096	1201021645	Phùng Thị Minh	Thư	24/08/2006	KD12B	02					HP,ĐK
4	000097	1201020413	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/05/2003	KD12B	02	6,0		31	Thúy	
5	000098	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	02	3,5		33	Tiếp	
6	000099	1201020423	Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	02	3,0		34	Toán	
7	000100	1201021644	Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	02	1,5		35	Trang	
8	000101	1201020439	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	02	2,5		36	Trang	
9	000102	1201020449	Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	02	4,3		37	Trang	
10	000103	1201020462	Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	02	4,0		38	Tươi	
11	000104	1201020471	Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	02	2,5		39	Vi	
12	000105	1201021144	Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	02	10		40	Vy	
13	000106	1201020489	Lưu Thị Hải	Yến	26/10/2006	KD12B	02	3,3		41	Yến	
14	000107	1201020052	Dương Thị Phương	Anh	05/05/2006	KD12C	03	5,0		42	Anh	
15	000108	1201021655	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	03	4,5		43	Anh	
16	000109	1201020072	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	03					ĐK
17	000110	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	03	2,0		55	Anh	
18	000111	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	03					Vắng
19	000112	1201020090	Trần Thị Phương	Anh	19/04/2005	KD12C	03	Một		54	Anh	
20	000113	1201020105	Lê Thị Quỳnh	Chi	18/08/2006	KD12C	03	1,5		56	Chi	
21	000114	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	03	8,5		51	Cúc	
22	000115	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	03	7,0		52	Đạt	
23	000116	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	03	4,5		53	Diễm	
24	000117	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	03	6,0		50	Diệu	
25	000118	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	03	2,0		57	Dung	
26	000119	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	03	4,0		49	Dương	
27	000120	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	03	9,5		48	Giang	
28	000121	1201021486	Trần Thị Thúy	Hà	15/02/2006	KD12C	03	4,0		44	Hà	
29	000122	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	03	7,5		45	Hằng	
30	000123	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	03	Một		46	Hiền	
31	000124	1201021770	Nguyễn Văn	Hiếu	19/11/2006	KD12C	03	5,3		47	Hiếu	

Tổng số sinh viên dự thi:.....28

Tổng số tờ giấy thi:.....28

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 25 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Kim Oanh
Đỗ Thị Tươi



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000125	1201020182	Sái Thị Thu	Hoài	18/11/2006	KD12C	03					ĐK
2	000126	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	03	3,0		61	Hương	
3	000127	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	03	3,0		62	Huyền	
4	000128	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	03	2,0		63	Chanh	
5	000129	1201020220	Phùng Hữu	Khánh	03/09/2006	KD12C	03	1,5		64	Khánh	
6	000130	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	03	9,5		65	Lam	
7	000131	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	03	10		66	Lan	
8	000132	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	03	2,0		67	Linh	
9	000133	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	03					Vắng
10	000134	1201020261	Vũ Thị Thùy	Linh	13/10/2006	KD12C	03					HP, ĐK
11	000135	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	03	3,0		68	Luân	
12	000136	1201020278	Nguyễn Khánh	Ly	20/11/2006	KD12C	03	6,5		69	Ly	
13	000137	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	03	8,0		70	Nga	
14	000138	1201021601	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	03	5,0		71	Ngân	
15	000139	1201020318	Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	03	5,0		72	Ngọc	
16	000140	1201020319	Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	03	4,0		73	Ngọc	
17	000141	1201020327	Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	03	9,5		74	Nhài	
18	000142	1201021501	Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	03	9,5		75	Nhi	
19	000143	1201021819	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/2006	KD12C	03	8,0		76	Nhung	
20	000144	1201020352	Bùi Thu	Phuong	08/09/2006	KD12C	03	4,0		77	Phuong	
21	000145	1201020362	Phùng Minh	Phuong	21/01/2006	KD12C	03	3,5		78	ME	
22	000146	1201021805	Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	03	1,5		79	Quỳnh	
23	000147	1201020377	Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	03	5,0		80	Tâm	
24	000148	1201020388	Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	03	3,5		81	Thảo	
25	000149	1201020402	Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	03	7,5		82	Thư	
26	000150	1201020415	Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	03	Một		83	Thùy	
27	000151	1201021820	Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	03	7,0		84	Trang	
28	000152	1201021751	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	03	3,5		85	Tran	
29	000153	1201020447	Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	03	8,0		86	Trang	
30	000154	1201020450	Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	03	7,5		87	Trang	
31	000155	1201021777	Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	03	2,5		88	Trung	

Tổng số sinh viên dự thi:.....28

Tổng số tờ giấy thi:.....28

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 25 tháng 6... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Minh

Đỗ Thị Khánh



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000156	1201020465	Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	KD12C	03	7,5	01	61	Uyên	
2	000157	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	03	9,0	10	67	Vi	
3	000158	1201020482	Đình Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	03	5,5	03	62	Xuân	
4	000159	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/07/2006	KD12C	03	9,5	05	63	Yến	
5	000160	1201021806	Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	04	3,0	06	64	Anh	
6	000161	1201021672	Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	04	3,5	07	65	Anh	
7	000162	1201020075	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/10/2006	KD12D	04	3,5	08	66	Anh	
8	000163	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	04	7,0	11	68	Anh	
9	000164	1201020091	Trần Thị Vân	Anh	27/10/2006	KD12D	04	8,5	13	69	Anh	
10	000165	1201021637	Nguyễn Hồng	Ánh	25/09/2006	KD12D	04	3,0	14	70	Anh	
11	000166	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	04	5,0	16	71	Chi	
12	000167	1201021790	Lê Mạnh	Cường	06/12/2006	KD12D	04	1,5	20	72	Cường	
13	000168	1201021477	Phạm Lệ	Diễm	23/06/2006	KD12D	04	5,5	19	73	Diễm	
14	000169	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	04	7,0	17	74	Dung	
15	000170	1201020132	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	31/07/2006	KD12D	04	Mười	22	75	Dương	
16	000171	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	04	2,0	23	76	Giang	
17	000172	1201020152	Vũ Nguyễn Nguyệt	Hà	02/01/2006	KD12D	04					HP,ĐK
18	000173	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	04	7,0	24	77	Hân	
19	000174	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	04	3,0	32	78	Hạnh	
20	000175	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	04	2,0	31	79	Hình	
21	000176	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	04	3,0	30	80	Hương	
22	000177	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	04	4,0	29	81	Huyền	
23	000178	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	04	5,0	27	82	Khanh	
24	000179	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	04	6,0	26	83	Khôi	
25	000180	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	04					Vắng
26	000181	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	04	2,5	37	84	Lan	
27	000182	1201020241	Dư Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	04	7,0	39	85	Linh	
28	000183	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	04	3,5	40	86	Linh	
29	000184	1201020270	Nguyễn Thị Huyền	Lương	22/08/2006	KD12D	04	2,0	36	89	Huyền	
30	000185	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	04	2,0	35	87	Ly	
31	000186	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	04	4,0	33	88	Mẫn	

Tổng số sinh viên dự thi: 30... 29

Tổng số tờ giấy thi: 30... 29

Tổng số biên bản: 2...

Ngày 25 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Việt Hương Bùi Văn Thinh



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000187	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	04	2,8	01	61	Minh	
2	000188	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	04	3,3	02	62	My	
3	000189	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	04	4,3	03	63	Ngân	
4	000190	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	04	2,5	04	64	Ngọc	
5	000191	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyên	19/08/2006	KD12D	04	8,3	05	65	Ngô	
6	000192	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	04	3,5	06	66	Nhi	
7	000193	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	04	3,8	07	67	Nhi	
8	000194	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	04	4,0	09	74	Ninh	
9	000195	1201020353	Chích Hoàng	Phương	16/07/2005	KD12D	04	2,5	10	73	Phuong	
10	000196	1201020363	Trần Phan Thanh	Phương	06/12/2006	KD12D	04	6,0	11	72	Ph	
11	000197	1201020371	Nguyễn Như	Quỳnh	10/10/2006	KD12D	04	2,0	12	71	Quỳnh	
12	000198	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	04	1,5	13	70	Tân	
13	000199	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	04	3,3	14	69	Thảo	
14	000200	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	04	5,5	15	68	Ph	
15	000201	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	04	5,5	16	75	Thủy	
16	000202	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	04	3,0	23	78	Trà	
17	000203	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	04	3,5	22	77	Tr	
18	000204	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	04	8,0	21	76	Trang	
19	000205	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	04	5,0	20	75	Trang	
20	000206	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	04	2,0	35	87	Trang	
21	000207	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	04	3,0	27	84	Trang	
22	000208	1201020466	Phạm Thị Hoàng	Uyên	14/04/2006	KD12D	04	7,0	28	83	Uyên	
23	000209	1201020475	Đinh Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	04	2,0	25	85	Vĩ	
24	000210	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	04	1,5	34	86	Đào	
25	000211	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	04	1,5	36	88	Yến	
26	000212	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	05	2,0	29	82	Anh	
27	000213	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	05	3,0	30	81	Anh	
28	000214	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	05	7,0	32	80	Anh	
29	000215	1201020083	Phan Thị Quỳnh	Anh	23/11/2006	KD12E	05	3,0	38	90	Anh	
30	000216	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	05	3,5	39	61	Ánh	
31	000217	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	05	3,0	37	89	Chi	

Tổng số sinh viên dự thi:.....21

Tổng số tờ giấy thi:.....21

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngô T. Thu Hương

Nguyễn Hữu Quý



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000218	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	05	2,0	01	61	Cường	
2	000219	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	05	1,5	02	62	Diễm	
3	000220	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	05	5,0	03	63	Thủy	
4	000221	1201021693	Hà Thị	Dịu	05/12/2006	KD12E	05	3,0	04	64	Dịu	
5	000222	1201020133	Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	05	2,5	39	90	Thy	
6	000223	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	05	Một	07	65	Thủy	
7	000224	1201020146	Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	05	3,5	08	66	Hà	
8	000225	1201021822	Vũ Thị	Hà	16/01/2006	KD12E	05	1,5	03	40	Hà	
9	000226	1201020158	Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	05	2,0	14	69	Hân	
10	000227	1201021487	Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	05	5,5	15	68	Hạnh	
11	000228	1201020169	Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	05	1,5	16	67	Thị	
12	000229	1201020175	Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	05	4,0	09	73	Hoa	
13	000230	1201020184	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	05	0,5	11	72	Hồng	
14	000231	1201020192	Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	05					Vắng
15	000232	1201020200	Nguyễn Khánh	Hương	28/12/2006	KD12E	05	3,0	12	71	Hương	
16	000233	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	05	2,0	20	76	Huyền	
17	000234	1201020216	Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	05	4,0	19	75	Khánh	
18	000235	1201020221	Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	05	8,3	17	74	Khuê	
19	000236	1201020226	Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	05	5,3	25	87	Bảo	
20	000237	1201020236	Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	05	2,5	28	85	Kim	
21	000238	1201020245	Lã Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	05	5,5	27	86	Linh	
22	000239	1201020264	Lê Thị Kiều	Loan	03/04/2006	KD12E	05	3,0	21	77	Loan	
23	000240	1201020272	Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	05	1,5	22	78	Thanh	
24	000241	1201020285	Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	05	5,0	23	79	Mai	
25	000242	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	05					Vắng
26	000243	1201020293	Đỗ Đức	Minh	18/05/2006	KD12E	05	6,5	24	80	Minh	
27	000244	1201021707	Đỗ Thị	Na	03/12/2006	KD12E	05	2,0	29	84	Na	
28	000245	1201020314	Phạm Hồng	Ngát	06/04/2005	KD12E	05	3,0	30	83	Ngát	
29	000246	1201020320	Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	KD12E	05	7,5	31	82	Minh	
30	000247	1201021600	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/09/2006	KD12E	05	4,5	32	81	Nguyễn	
31	000248	1201021813	Đỗ Trần Yên	Nhi	07/06/2006	KD12E	05	3,5	38	89	Nhi	

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 29...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 25 tháng 06 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Lâm Đan
Trương Thị Bích



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2024-2025
Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
11	000011	1201021694	Đỗ Xuân	Đức	09/08/2004	KD12A	01	5,5	36	88	Đức	

Tổng số sinh viên dự thi: 01.....
Tổng số tờ giấy thi: 01..
Tổng số biên bản: 01.....

Hưng Yên, ngày 25 tháng 06 năm 2025
Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Liên Oanh
Trương Thị Bích



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000249	1201020341	Trương Thị Yến	Nhi	04/10/2006	KD12E	05	9,0	02	97	Nhi	
2	000250	1201020343	Nguyễn Thị Huyền	Như	03/02/2006	KD12E	05					ĐK
3	000251	1201020348	Trần Thị Ánh	Ninh	23/08/2006	KD12E	05	9,0	03	96	Ninh	
4	000252	1201020354	Đặng Thị Minh	Phương	21/12/2006	KD12E	05	4,0	04	95	Phuong	
5	000253	1201021666	Trần Thị Minh	Phương	03/12/2006	KD12E	05	2,0	05	94	Phuong	
6	000254	1201021505	Nguyễn Như	Quỳnh	09/01/2006	KD12E	05	3,0	06	93	Quynh	
7	000255	1201020379	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	KD12E	05	8,5	07	92	Thanh	
8	000256	1201020390	Lê Thị Phương	Thảo	23/02/2006	KD12E	05	6,0	08	91	Thao	
9	000257	1201020404	Lê Anh	Thư	12/11/2006	KD12E	05	7,0	16	105	Thư	
10	000258	1201020417	Trần Thu	Thủy	19/08/2006	KD12E	05	10	15	104	Thuy	
11	000259	1201021670	Đỗ Thị	Trâm	03/07/2006	KD12E	05	9,0	14	103	Tram	
12	000260	1201020432	Lê Mai	Trang	14/11/2006	KD12E	05	5,0	13	102	Trang	
13	000261	1201020436	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/08/2006	KD12E	05	4,0	12	101	Trang	
14	000262	1201020446	Nguyễn Thùy	Trang	10/01/2005	KD12E	05	3,0	11	100	Trang	
15	000263	1201020452	Thân Hiền	Trang	08/03/2006	KD12E	05	3,5	10	99	Trang	
16	000264	1201020684	Nguyễn Thanh	Tú	23/10/2006	KD12E	05	6,0	09	98	Th	
17	000265	1201020468	Lê Thùy	Vân	17/09/2006	KD12E	05	7,3	17	113	Thuy	
18	000266	1201020476	Ngô Lê Hoàng	Việt	14/07/2006	KD12E	05	3,8	18	114	Viet	
19	000267	1201020057	Lê Nhật	Anh	14/01/2006	KD12G	06	8,0	19	115	Anh	
20	000268	1201020069	Nguyễn Phương	Anh	16/11/2006	KD12G	06	2,5	20	116	Anh	
21	000269	1201020077	Nguyễn Thùy	Anh	02/07/2006	KD12G	06	2,5	21	117	Anh	
22	000270	1201020084	Phùng Quỳnh	Anh	05/06/2006	KD12G	06	5,0	32	118	Anh	
23	000271	1201020093	Bùi Thị Ngọc	Ánh	22/04/2006	KD12G	06	3,0	23	119	Anh	
24	000272	1201020097	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/07/2006	KD12G	06	3,5	24	120	Anh	
25	000273	1201020108	Nguyễn Mai	Chi	31/05/2006	KD12G	06	9,0	30	112	Chi	
26	000274	1201021823	Dương Thị Anh	Đào	26/09/2004	KD12G	06	7,3	29	111	Đào	
27	000275	1201020114	Hoàng Thị	Điểm	10/01/2005	KD12G	06	8,0	27	110	Điểm	
28	000276	1201020120	Nguyễn Thị	Dịu	15/12/2006	KD12G	06	4,0	26	109	Dieu	
29	000277	1201020127	Đỗ Tiến	Dũng	19/02/2006	KD12G	06	3,0	25	108	Dung	
30	000278	1201020134	Ngô Thùy	Dương	10/07/2006	KD12G	06	7,0	38	106	Thuy	
31	000279	1201020139	Vũ Đức	Duy	22/10/2003	KD12G	06	10	37	107	Duy	

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 0

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ T. Thu Hương

Nguyễn Thị Ngọc Anh



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000280	1201020153	Vũ Thị Thu	Hà	22/06/2006	KD12G	06	1,0		91	Hà	
2	000281	1201020156	Ngô Thị Thanh	Hải	11/09/2006	KD12G	06	2,0		92	Hải	
3	000282	1201020159	Phạm Thị Thùy	Hân	04/07/2006	KD12G	06	4,0		93	Hân	
4	000283	1201020167	Ngô Minh	Hạnh	17/02/2006	KD12G	06	3,0		94	Hạnh	
5	000284	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	06	1,5		95	Hiền	
6	000285	1201020171	Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	KD12G	06	9,0		96	Hiền	
7	000286	1201020176	Đoàn Thị Phương	Hoa	30/10/2006	KD12G	06	3,0		97	Hoa	
8	000287	1201020186	Trần Thị Hồng	Huế	16/11/2006	KD12G	06	4,0		107	Huế	
9	000288	1201020195	Nguyễn Thanh	Hương	11/02/2006	KD12G	06	4,0		100	Hương	
10	000289	1201020201	Nguyễn Quang	Huy	29/01/2004	KD12G	06	6,0		99	Huy	
11	000290	1201020211	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/06/2006	KD12G	06	3,5		98	Huyền	
12	000291	1201020217	Nguyễn Bá	Khánh	01/08/2006	KD12G	06	3,0		109	Khánh	
13	000292	1201021491	Đặng Trung	Kiên	23/09/2006	KD12G	06	1,5		101	Kiên	
14	000293	1201020230	Bùi Thị Ngọc	Lan	30/04/2006	KD12G	06	2,0		102	Lan	
15	000294	1201020239	Chu Khánh	Linh	28/12/2006	KD12G	06	3,0		103	Linh	
16	000295	1201020249	Nguyễn Hoàng	Linh	13/07/2006	KD12G	06	8,5		105	Hoàng Linh	
17	000296	1201020265	Ngô Thị Phương	Loan	06/06/2006	KD12G	06	2,5		104	Loan	
18	000297	1201020274	Chu Thị Hương	Ly	22/01/2006	KD12G	06	2,5		118	Ly	
19	000298	1201020286	Đỗ Thị Thu	Mai	22/12/2005	KD12G	06					ĐK
20	000299	1201020295	Nguyễn Tiến	Minh	23/10/2006	KD12G	06	1,0		120	Minh	
21	000300	1201020303	Đinh Ngọc	Nam	10/11/2006	KD12G	06	1,5		116	Nam	
22	000301	1201020310	Lê Bảo	Ngân	05/06/2006	KD12G	06	3,0		117	Ngân	
23	000302	1201020315	Mã Đình	Nghiêm	11/04/2006	KD12G	06	5,0		110	Nghiêm	
24	000303	1201020332	Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	06	2,5		106	Nhi	
25	000304	1201020342	Lê Quỳnh	Như	12/02/2006	KD12G	06	5,0		114	Như	
26	000305	1201020349	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/12/2006	KD12G	06	4,5		115	Oanh	
27	000306	1201020351	Trần Đức	Phát	02/08/2006	KD12G	06	2,5		112	Phát	
28	000307	1201020357	Đỗ Thu	Phương	05/12/2006	KD12G	06	2,0		113	Phương	
29	000308	1201020364	Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	06	9,0		111	Phượng	
30	000309	1201020372	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04/12/2006	KD12G	06	3,0		108	Quỳnh	
31	000310	1201020383	Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	06	5,0		109	Thảo	

Tổng số sinh viên dự thi: ...30...

Tổng số tờ giấy thi: ...30.

Tổng số biên bản: ...0.....

Ngày ... tháng ... Năm ... 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Kim Oanh
Hoàng Thị Hương Giang



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000311	1201020391	Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	06					Nghe ✓
2	000312	1201020396	Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	06	5,5	02	92	Thảo	
3	000313	1201020406	Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	06	4,0	03	93	Thư	
4	000314	1201020418	Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	06	Nuôi	04	94	Thủy	
5	000315	1201020426	Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	06	8,0	05	95	Trâm	
6	000316	1201020429	Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	06	5,5	06	96	Trang	
7	000317	1201020434	Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	06	6,0	07	97	Trang	
8	000318	1201020437	Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	06					ĐK
9	000319	1201021638	Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	06	2,5	28	98	Trung	
10	000320	1201020460	Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	06	6,5	29	114	Tuấn	
11	000321	1201020469	Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	06	3,0	13	99	Vân	
12	000322	1201020478	Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	06	4,0	12	103	Vũ	
13	000323	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	08	Nuôi	11	102	An	
14	000324	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	08	9,5	10	101	Anh	
15	000325	1201061634	Tăng Hà Kiều	Anh	04/05/2006	KA12A	08	4,5	09	100	Anh	
16	000326	1201061522	Trịnh Thị Yến	Chi	11/02/2006	KA12A	08	1,5	17	108	Chi	
17	000327	1201060496	Nguyễn Anh	Dũng	19/08/2006	KA12A	08					ĐK
18	000328	1201061523	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2006	KA12A	08					ĐK
19	000329	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	08	2,0	19	109	Duyên	
20	000330	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	08	2,0	20	110	Giang	
21	000331	1201061524	Vũ Thu	Hà	01/05/2006	KA12A	08					ĐK
22	000332	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	08	8,0	21	107	Hoa	
23	000333	1201060505	Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	08	6,5	22	106	Hoàng	
24	000334	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	08	9,0	23	105	Phan	
25	000335	1201060507	Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	08	4,5	24	104	Huy	
26	000336	1201060511	Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	KA12A	08	3,0	32	111	Linh	
27	000337	1201060513	Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	08					ĐK
28	000338	1201060515	Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	08					ĐK
29	000339	1201060516	Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	08					ĐK
30	000340	1201060517	Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	08	3,5	31	112	Nga	
31	000341	1201060518	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	01/09/2006	KA12A	08	8,5	30	113	Ngọc	

Tổng số sinh viên dự thi: ... 23 ...

Tổng số tờ giấy thi: ... 2 ...

Tổng số biên bản: ... 0 ...

Ngày ... 25 ... tháng ... 6 ... Năm ... 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Hồng Nhung Đỗ Thụy Cảnh



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000342	1201060519	Lê Thái	Nguyễn	25/10/2006	KA12A	08	5,0	8	91	Nguyễn	
2	000343	1201060520	Ngô Long	Nhật	27/10/2003	KA12A	08	9,5	7	92	Nhật	
3	000344	1201060523	Đào Thị	Quỳnh	16/05/2006	KA12A	08	4,5	5	93	Quỳnh	
4	000345	1201060524	Phạm Thanh	Tâm	17/07/2006	KA12A	08	8,0	4	94	Tâm	
5	000346	1201060525	Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	KA12A	08	9,0	3	95	Thảo	
6	000347	1201060526	Nguyễn Thanh	Thảo	11/11/2006	KA12A	08	8,5	2	96	Thảo	
7	000348	1201060527	Bùi Ánh	Thư	25/07/2006	KA12A	08	4,0	1	97	Thư	
8	000349	1201060529	Đoàn Phúc	Toàn	01/11/2005	KA12A	08	2,0	16	98	Toàn	
9	000350	1201060425	Đỗ Thị Quỳnh	Trâm	28/12/2006	KA12A	08					HP,ĐK
10	000351	1201060532	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/05/2006	KA12A	08	6,0	15	99	Trang	
11	000352	1201060533	Nguyễn Đức	Trung	12/02/2006	KA12A	08	8,5	14	100	Trung	
12	000353	1201060534	Vương Tuấn	Tú	04/09/2006	KA12A	08					ĐK
13	000354	1201060535	Vũ Duy	Vũ	23/06/2006	KA12A	08					ĐK
14	000355	1201060537	Vũ Thị Thảo	Vy	16/11/2005	KA12A	08					ĐK
15	000356	1201020063	Nguyễn Châu	Anh	06/03/2006	KC12A	08	5,0	13	101	Anh	
16	000357	1201020071	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/11/2006	KC12A	08	2,0	12	102	Anh	
17	000358	1201020082	Phạm Trần Hải	Anh	11/11/2006	KC12A	08	2,5	11	103	Anh	
18	000359	1201020099	Vương Thị Ngọc	Ánh	03/12/2006	KC12A	08	7,5	10	104	Anh	
19	000360	1201020121	Đỗ Trung	Đoàn	20/11/2006	KC12A	08	3,0	9	105	Đoàn	
20	000361	1201020122	Bùi Minh	Đức	22/05/2006	KC12A	08	6,5	24	112	Đức	
21	000362	1201020124	Lục Hoàng Thùy	Dung	02/07/2006	KC12A	08	7,0	23	111	Dung	
22	000363	1201020129	Trần Trung	Dũng	12/11/2006	KC12A	08					ĐK
23	000364	1201020259	Trương Ngọc	Linh	25/12/2006	KC12A	08	4,0	22	110	Linh	
24	000365	1201020282	Bùi Thanh	Mai	27/07/2006	KC12A	08	3,5	21	109	Mai	
25	000366	1201020294	Lê Quang	Minh	25/09/2003	KC12A	08					ĐK
26	000367	1201021804	Mai Kim Thành	Minh	09/12/2006	KC12A	08	2,0	20	108	Minh	
27	000368	1201021000	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	26/10/2006	KC12A	08	9,0	19	107	Ngọc	
28	000369	1201020338	Tăng Hoàng Yến	Nhi	27/05/2006	KC12A	08	8,0	17	106	Nhi	
29	000370	1201020376	Nguyễn Mai	Tâm	02/01/2006	KC12A	08	8,0	29	113	Tâm	
30	000371	1201021511	Nguyễn Minh	Thu	14/08/2006	KC12A	08	9,0	30	114	Thu	
31	000372	1201020472	Nguyễn Huyền	Vi	17/09/2006	KC12A	08	5,0	31	115	Vi	

Tổng số sinh viên dự thi: 25

Tổng số tờ giấy thi: 25

Tổng số biên bản: 6

Ngày 25 tháng 5 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Quang
Lê Thị Minh Hằng Phạm Lợi Ph



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000373	0901030331	Vũ Thị Mỹ	Hào	26/09/2003	KD9N	08	8,0	03	125	Hào	
2	000374	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	09	1,5	01	127	An	
3	000375	1201070623	Đặng Thái	Anh	12/09/2006	KL12A	09	1,5	02	126	T. Anh	
4	000376	1201070625	Lưu Quỳnh	Anh	05/06/2006	KL12A	09	3,0	06	122	Quỳnh	
5	000377	1201070637	Hoàng Thị Thu	Hiền	21/01/2006	KL12A	09	1,5	05	121	Anh	
6	000378	1201070638	Nguyễn Thu	Hiền	21/05/2006	KL12A	09	2,0	07	123	Hiền	
7	000379	1201070639	Lê Trung	Hiếu	01/06/2006	KL12A	09	2,0	08	124	Hiếu	
8	000380	1201070641	Nguyễn Thị	Huế	27/07/2006	KL12A	09	1,5	16	134	Huế	
9	000381	1201070642	Đình Quang	Huy	06/03/2006	KL12A	09	5,0	30	145	Huy	
10	000382	1201070656	Hoàng Khánh	Ngọc	27/08/2006	KL12A	09	1,5	14	133	Ngọc	
11	000383	1201070661	Thiều Quý	Phúc	02/04/2005	KL12A	09	Một	13	132	Phúc	
12	000384	1201070681	Trần Thị Quỳnh	Trang	11/11/2006	KL12A	09	1,5	12	131	Trang	
13	000385	1201070690	Đào Hải	Yến	24/09/2006	KL12A	09	1,5	11	130	Yến	
14	000386	1201070628	Vũ Tú	Anh	04/01/2006	QL12A	09	2,5	10	129	Anh	
15	000387	1201070631	Hoàng Thị Linh	Chiên	06/03/2006	QL12A	09	Một	9	128	Chiên	
16	000388	1201070632	Nguyễn Quốc	Cường	05/05/2006	QL12A	09	1,5	17	140	Cường	
17	000389	1201070636	Phạm Thu	Hà	13/06/2006	QL12A	09	1,5	18	139	Hà	
18	000390	1201070644	Trần Thị Phương	Lan	19/02/2006	QL12A	09	5,0	20	138	Lan	
19	000391	1201070647	Lê Thị Mỹ	Linh	10/10/2006	QL12A	09	Một	21	137	Linh	
20	000392	1201070649	Phạm Công	Linh	17/10/2006	QL12A	09	1,5	24	135	Linh	
21	000393	1201070658	Nguyễn Hồng	Nhung	09/07/2006	QL12A	09	2,5	23	136	Nhung	
22	000394	1201070663	Nguyễn Thị	Phương	31/05/2006	QL12A	09	1,5	29	144	Phương	
23	000395	1201070668	Tạ Khắc	Son	05/12/2006	QL12A	09	Một	27	141	Son	
24	000396	1201070671	Hà Phương	Thanh	13/07/2006	QL12A	09	5,0	26	142	Thanh	
25	000397	1201070672	Nguyễn Thu	Thảo	11/10/2006	QL12A	09	1,5	25	143	Thảo	
26	000398	1201070677	Ngô Thị Hương	Trà	28/12/2006	QL12A	09	4,0	04	146	Trà	
27	000399	1201070680	Lê Huyền	Trang	02/02/2006	QL12A	09	5,5	35	147	Trang	
28	000400	1201070682	Đình Vũ Việt	Trinh	01/10/2006	QL12A	09	3,0	38	150	Trinh	
29	000401	1201070687	Hoàng Quốc	Việt	03/02/2005	QL12A	09	1,5	34	148	Việt	
30	000402	1201070688	Nguyễn Thành	Vinh	02/02/2006	QL12A	09	Một	37	149	Vinh	
31	000403	1201070689	Hồ Thảo	Vy	28/10/2006	QL12A	09	3,0	39	121	Vy	

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0

Ngày..... tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Kim Oanh

Lê Thị Phương Hà



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000404	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	09					HP,ĐK
2	000405	1201040003	Đỗ Duy	Anh	29/11/2004	CT12A	10	2,0	02	127	Duy Anh	
3	000406	1201040006	Lê Đỗ Kiều	Anh	24/10/2006	CT12A	10	5,0	29	139	Anh	
4	000407	1201040009	Vũ Thị Hồng	Ánh	16/06/2006	CT12A	10	3,5	03	126	Ánh	
5	000408	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	CT12A	10	5,0	06	121	Bình	
6	000409	1201040012	Lê Đăng	Định	01/07/2005	CT12A	10	4,0	07	122	Định	
7	000410	1201041784	Nguyễn Minh	Đức	28/01/2006	CT12A	10	2,0	08	123	Đức	
8	000411	1201040016	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2006	CT12A	10	3,0	10	129	Giang	
9	000412	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	10	4,5	11	130	Hạnh	
10	000413	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	10	3,5	13	124	Huệ	
11	000414	1201040021	Đặng Duy	Hưng	07/10/2006	CT12A	10	3,5	14	125	Hưng	
12	000415	1201040022	Bùi Trịnh Việt	Huy	03/09/2006	CT12A	10	4,0	17	132	Huy	
13	000416	1201040023	Nguyễn Mạnh	Huy	15/01/2006	CT12A	10	5,0	19	131	Huy	
14	000417	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	10	5,0	20	128	Huyền	
15	000418	1201040025	Dương Quốc	Khánh	30/08/2006	CT12A	10	4,0	21	133	Khánh	
16	000419	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	10	8,5	22	134	Linh	
17	000420	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	10	4,5	23	143	Linh	
18	000421	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	10	4,5	24	135	Linh	
19	000422	1201040030	Ninh Hoàng	Long	24/06/2006	CT12A	10	4,0	25	156	Long	
20	000423	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	10	3,5	26	145	Minh	
21	000424	1201040659	Đinh Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	10	3,5	27	137	Phong	
22	000425	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	CT12A	10	7,5	28	138	Tài	
23	000426	1201040037	Nguyễn Tiến	Thành	02/06/2006	CT12A	10	7,5	36	144	Thành	
24	000427	1201040039	Ngô Thị Minh	Thư	20/08/2006	CT12A	10	6,5	31	140	Thư	
25	000428	1201040042	Đỗ Quỳnh	Trang	23/06/2006	CT12A	10	Mười	32	141	Trang	
26	000429	1201040043	Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	10	3,0	33	142	Tuấn	
27	000430	1201040045	Phạm Anh	Vũ	27/06/2006	CT12A	10					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 25...

Tổng số tờ giấy thi: 25...

Tổng số biên bản: 0...

Cán bộ coi thi 1

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Trình Thu Trang Nguyễn Thị Ngọc Anh



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000431	1201081639	Nguyễn Thu	An	07/03/2006	TM12A	11	3,5	31	145	AN	
2	000432	1201080541	Lê Tuấn	Anh	09/04/2006	TM12A	11	4,5	01	121	Anh	
3	000433	1201080545	Trần Thị Vân	Anh	23/07/2006	TM12A	11	2,0	30	146	Anh	
4	000434	1201080546	Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	11	3,0	04	122	HA	
5	000435	1201081526	Vũ Quỳnh	Anh	08/09/2006	TM12A	11	3,0	05	123	Anh	
6	000436	1201081793	Nguyễn Công	Bách	11/09/2006	TM12A	11	2,0	06	124	Ngoc	
7	000437	1201080550	Nguyễn Bá	Đức	10/09/2006	TM12A	11	5,0	07	125	Đức	
8	000438	1201080551	Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	11	2,0	09	128	Đức	
9	000439	1201080552	Phạm Hoàng	Đức	02/02/2006	TM12A	11	1,5	10	127	Hoàng	
10	000440	1201081718	Trương Thanh	Đức	08/03/2006	TM12A	11	3,5	11	120	Đức	
11	000441	1201080554	Ngô Hoàng Ánh	Dương	07/01/2006	TM12A	11	3,5	03	441	Dương	
12	000442	1201080555	Phạm Quang	Dương	24/12/2006	TM12A	11					HP,ĐK
13	000443	1201080557	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/2006	TM12A	11	3,5	13	129	Duyên	
14	000444	1201080558	Phạm Mỹ	Duyên	07/12/2006	TM12A	11	3,5	32	141	Duyên	
15	000445	1201080560	Nguyễn Thị Ngân	Giang	08/07/2006	TM12A	11					ĐK
16	000446	1201081788	Đỗ Thị Thu	Huệ	04/04/2006	TM12A	11	3,0	17	132	Thu	
17	000447	1201080565	Lê Thế	Hung	21/08/2006	TM12A	11	1,5	19	131	Hung	
18	000448	1201080567	Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/2006	TM12A	11	2,0	20	130	Mỹ	
19	000449	1201080568	Lương Thùy	Linh	26/10/2006	TM12A	11	4,0	21	133	Thùy	
20	000450	1201081720	Ngô Mai	Linh	21/12/2006	TM12A	11					HP,ĐK
21	000451	1201080569	Ngô Thị Phương	Linh	26/03/2006	TM12A	11	6,5	22	134	Phương	
22	000452	1201080573	Nguyễn Tuấn	Long	04/03/2006	TM12A	11	4,0	23	135	Long	
23	000453	1201081765	Đỗ Thị Thanh	Mai	18/04/2006	TM12A	11	9,0	24	136	Mai	
24	000454	1201080579	Trần Thanh	Mai	09/10/2006	TM12A	11	4,0	25	139	Mai	
25	000455	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	11					ĐK
26	000456	1201080581	Vũ Duy	Mạnh	07/12/2005	TM12A	11	9,0	29	140	Duy	
27	000457	1201080582	Đỗ Thị Ngọc	Minh	16/05/2004	TM12A	11	5,5	36	138	Ngọc	
28	000458	1201080583	Nguyễn Trà	My	06/11/2006	TM12A	11	6,0	28	137	My	
29	000459	1201080585	Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	TM12A	11	9,0	38	143	Thu	
30	000460	1201080586	Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	TM12A	11	9,0	37	142	Ngọc	
31	000461	1201080589	Lê Yên	Nhi	06/11/2006	TM12A	11					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Việt Dương Bùi Thị Minh Phương



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000462	1201081664	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/02/2006	TM12A	11	6,0		124	Thư	
2	000463	1201080594	Vũ Trang	Nhung	24/09/2006	TM12A	11	3,5		123	Trang	
3	000464	1201080595	Bùi Thị Kim	Oanh	02/09/2006	TM12A	11	7,0		122	Oanh	
4	000465	1201080597	Võ Hồng	Phúc	24/09/2006	TM12A	11	3,5		121	Phuc	
5	000466	1201081812	Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	11	1,5		149	Tai	
6	000467	1201080602	Lê Phương	Thảo	25/09/2006	TM12A	11	9,5		148	Phu	
7	000468	1201081604	Ngô Thanh	Thảo	22/09/2006	TM12A	11	6,0		125	Thanh	
8	000469	1201080603	Nguyễn Thu	Thảo	24/11/2006	TM12A	11	7,0		126	Thao	
9	000470	1201081799	Dương Đình	Thi	14/06/2004	TM12A	11					HP,ĐK
10	000471	1201080604	Hoàng Thị Mến	Thương	20/07/2006	TM12A	11	2,5		131	Thuong	
11	000472	1201080608	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	31/05/2006	TM12A	11	6,5		130	Thuy	
12	000473	1201081534	Lê Ánh	Thùy	27/02/2006	TM12A	11	6,5		129	Thuy	
13	000474	1201080609	Nguyễn Bích	Thủy	04/04/2005	TM12A	11					ĐK
14	000475	1201080612	Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	11	2,5		134	Trang	
15	000476	1201080615	Nguyễn Thị Phương	Uyên	15/12/2006	TM12A	11	3,0		133	Uyen	
16	000477	1201080620	Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	11	2,5		132	Yen	
17	000478	1201080621	Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	11	Một		128	Yen	
18	000479	0901080176	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	TM9A	11	4,5		127	Đức	
19	000480	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH11A	12	4,5		141	Phuc	
20	000481	1201011772	Đào Phương	Anh	02/03/2006	TC12A	12	5,5		140	Anh	
21	000482	1201011153	Đỗ Quỳnh	Anh	27/09/2006	TC12A	12	9,5		139	Anh	
22	000483	1201011154	Đới Thị Phương	Anh	05/03/2005	TC12A	12	4,0		138	Phuong	
23	000484	1201011161	Lê Thế	Anh	27/05/2005	TC12A	12	5,0		137	Anh	
24	000485	1201011166	Ngô Thu	Anh	18/07/2006	TC12A	12	6,0		136	Anh	
25	000486	1201011173	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2006	TC12A	12	5,0		135	Anh	
26	000487	1201011180	Phan Lan	Anh	10/08/2006	TC12A	12	4,0		145	Anh	
27	000488	1201011184	Trần Thị Trâm	Anh	01/05/2006	TC12A	12	4,0		147	Anh	
28	000489	1201011677	Lê Hồng	Ánh	30/11/2006	TC12A	12	3,0		146	Anh	
29	000490	1201011195	Đỗ Khánh	Chi	24/08/2006	TC12A	12	6,0		144	Chi	
30	000491	1201011203	Đỗ Tiến	Đạt	28/12/2006	TC12A	12	2,0		142	Dat	
31	000492	1201011209	La Thị Thu	Dung	23/07/2006	TC12A	12	3,5		143	Dung	

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Huy Cường

Hoàng Thị Hoàng Giang



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000493	1201011218	Trần Thuý	Dương	09/05/2006	TC12A	12	4,5	01	151	Dương	
2	000494	1201011219	Nguyễn Khánh	Duy	06/10/2006	TC12A	12	8,0	02	152	Duy	
3	000495	1201011222	Phạm Thị Mỹ	Duyên	18/03/2006	TC12A	12	8,5	03	153	Duyên	
4	000496	1201010812	Nguyễn Thái	Hà	30/09/2006	TC12A	12	9,0	04	154	Hà	
5	000497	1201011231	Vũ Thị Thu	Hà	27/07/2006	TC12A	12	3,5	05	155	Hà	
6	000498	1201011241	Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	12	1,5	06	156	Hằng	
7	000499	1201011255	Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	12	2,5	07	157	Hiếu	
8	000500	1201011257	Nguyễn Minh	Hiếu	16/04/2006	TC12A	12					HP
9	000501	1201011264	Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	TC12A	12	Mười	08	158	Hoài	
10	000502	1201011588	Hoàng Thị	Huệ	21/06/2006	TC12A	12	4,0	09	159	Huệ	(4,0)
11	000503	1201011789	Phạm Hải	Huy	20/01/2006	TC12A	12	4,0	10	164	Huy	
12	000504	1201011291	Bùi Thị	Lan	26/11/2005	TC12A	12	6,0	11	163	Lan	
13	000505	1201011595	Nghiêm Thùy	Linh	11/11/2006	TC12A	12	2,0	12	168	Linh	
14	000506	1201011303	Nguyễn Hà	Linh	25/09/2006	TC12A	12	3,0	13	162	Linh	
15	000507	1201011305	Nguyễn Khánh	Linh	20/06/2006	TC12A	12	9,5	14	166	Linh	
16	000508	1201011310	Nguyễn Thùy	Linh	03/02/2006	TC12A	12	5,0	15	165	Linh	
17	000509	1201011316	Trịnh Lê Khánh	Linh	16/01/2006	TC12A	12	4,0	16	170	Linh	
18	000510	1201011328	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/09/2006	TC12A	12	5,5	17	174	Mai	
19	000511	1201011329	Phạm Ngọc	Mai	27/05/2006	TC12A	12	4,5	18	175	Mai	
20	000512	1201011332	Bùi Tiến	Minh	19/12/2006	TC12A	12					vắng
21	000513	1201011334	Đinh Nhật	Minh	25/11/2006	TC12A	12	Mười	19	178	Minh	
22	000514	1201011342	Nguyễn Trà	My	08/05/2006	TC12A	12					HP,ĐK
23	000515	1201011349	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/2006	TC12A	12	3,5	20	169	Ngân	
24	000516	1201011354	Lưu Minh	Ngọc	17/10/2006	TC12A	12	4,0	21	167	Minh	
25	000517	1201011358	Dur Thị Thảo	Nguyễn	17/01/2006	TC12A	12	4,5	22	176	Thảo	
26	000518	1201011362	Bùi Phan Hà	Nhi	17/03/2006	TC12A	12					ĐK
27	000519	1201011365	Nguyễn Thị Yên	Nhi	18/02/2006	TC12A	12					ĐK
28	000520	1201011367	Đỗ Hồng	Nhung	16/02/2006	TC12A	12	2,5	23	171	Nhung	
29	000521	1201011380	Hoàng Lan	Phương	13/08/2006	TC12A	12	2,5	24	172	Phương	
30	000522	1201011382	Nguyễn Nam	Phương	01/10/2006	TC12A	12	6,0	25	160	Phương	
31	000523	1201011391	Nguyễn Mạnh	Quyên	11/10/2006	TC12A	12	5,0	26	161	Quyên	

Tổng số sinh viên dự thi: 26

Tổng số tờ giấy thi: 26

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc
Phạm Thị Chanh



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000524	1201011397	Trần Thái	Son	16/06/2006	TC12A	12					HP
2	000525	1201011399	Đỗ Thanh	Tâm	16/09/2006	TC12A	12	10	1	151	Tâm	
3	000526	1201011401	Nguyễn Minh	Tâm	07/05/2006	TC12A	12	8,0	26	173	Tâm	
4	000527	1201011406	Hà Phương	Thảo	11/12/2004	TC12A	12	3,5	2	152	thảo	
5	000528	1201011602	Phạm Phương	Thảo	29/09/2006	TC12A	12	3,5	4	153	Thảo	
6	000529	1201011413	Mai Tiến	Thọ	25/03/2006	TC12A	12	1,5	5	154	Thọ	
7	000530	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	12	1,5	7	155	Thư	
8	000531	1201011423	Lê Thị	Thùy	09/09/2006	TC12A	12	1,5	8	156	Thùy	
9	000532	1201011630	Lưu Quỳnh	Trâm	16/07/2006	TC12A	12	9,0	15	157	Trâm	
10	000533	1201011437	Đỗ Hà	Trinh	04/11/2006	TC12A	12	3,0	37	177	Trinh	
11	000534	1201011440	Hoàng Ngọc	Tú	03/01/2006	TC12A	12	4,0	14	158	Tú	
12	000535	1201011449	Nguyễn Xuân	Tùng	27/12/2006	TC12A	12	2,5	13	159	Tùng	
13	000536	1201011160	Lê Mai	Anh	24/10/2006	TC12B	13	9,0	11	160	Anh	
14	000537	1201011171	Nguyễn Phương	Anh	15/09/2006	TC12B	13	7,0	10	161	P. Anh	
15	000538	1201011581	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/07/2006	TC12B	13	5,0	25	174	Anh	
16	000539	1201011179	Phạm Thị Vân	Anh	09/03/2006	TC12B	13	1,5	39	176	Anh	
17	000540	1201011183	Trần Phương	Anh	06/07/2006	TC12B	13	1,5	40	175	Anh	
18	000541	1201011187	Vũ Lan	Anh	26/03/2005	TC12B	13	1,5	20	164	Anh	
19	000542	1201011192	Phí Thái	Bảo	14/03/2006	TC12B	13	2,0	19	163	Bảo	
20	000543	1201011584	Trần Tuấn	Đạt	30/09/2006	TC12B	13	Không	17	162	Đạt	BB.
21	000544	1201011212	Lưu Mạnh	Dũng	20/03/2006	TC12B	13					ĐK
22	000545	1201011673	Vũ Trần Quang	Dương	12/08/2006	TC12B	13					HP, ĐK
23	000546	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	13					ĐK
24	000547	1201011227	Doãn Thị	Hà	20/05/2006	TC12B	13	3,5	21	165	Hà	
25	000548	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	13	2,5	22	166	Hà	
26	000549	1201011233	Đỗ Ngọc	Hải	20/08/2005	TC12B	13	2,0	24	167	Hải	
27	000550	1201011242	Ngô Thị Thu	Hạnh	14/10/2006	TC12B	13	9,0	32	168	Hạnh	
28	000551	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	TC12B	13	10	31	169	Hiền	
29	000552	1201011256	Nguyễn Đình	Hiếu	29/08/2006	TC12B	13	3,0	29	170	Hiếu	
30	000553	1201011259	Nguyễn Phương	Hoa	04/08/2006	TC12B	13	2,0	28	171	Hoa	
31	000554	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	13	3,0	27	172	Hoàng	

Tổng số sinh viên dự thi: 27.....

Tổng số tờ giấy thi: 27.....

Tổng số biên bản: 01.....

Ngày 26... tháng 11... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Mai Phương

Phạm Việt Phương



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000555	1201011275	Phạm Phan Diệu	Hương	14/02/2006	TC12B	13	4,0	01	151	Hoàng	
2	000556	1201011282	Hoàng Thanh	Huyền	23/07/2006	TC12B	13	2,0	02	152	Huyền	
3	000557	1201011284	Lê Duy	Khánh	06/08/2006	TC12B	13					HP,ĐK
4	000558	1201011285	Lê Thiệu	Khánh	08/10/2006	TC12B	13					ĐK
5	000559	1201011301	Mai Thùy	Linh	21/11/2006	TC12B	13	2,5	03	153	Linh	
6	000560	1201011302	Nguyễn Diệu	Linh	04/03/2006	TC12B	13	8,5	05	154	M	
7	000561	1201011304	Nguyễn Khánh	Linh	18/07/2006	TC12B	13	8,0	06	155	Đ	
8	000562	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	TC12B	13	Mười	07	156	Thư	
9	000563	1201011311	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/2006	TC12B	13	4,0	03	157	Linh	
10	000564	1201011782	Trần Khánh	Linh	14/02/2006	TC12B	13	2,0	10	158	Lnh	
11	000565	1201011321	Dương Hoàng	Long	14/09/2006	TC12B	13	3,5	11	159	Long	(3,5)
12	000566	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	TC12B	13	9,5	38	160	Mai	
13	000567	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	TC12B	13	9,5	13	161	Minh	
14	000568	1201011335	Lưu Quang	Minh	08/08/2006	TC12B	13	4,5	14	162	xinh	
15	000569	1201011598	Nguyễn Tân Hoàn	Mỹ	28/09/2006	TC12B	13	2,5	16	163	Mỹ	
16	000570	1201011352	Bùi Minh	Ngọc	03/08/2006	TC12B	13	5,5	24	170	Ng	
17	000571	1201011356	Trần Hồng	Ngọc	01/12/2006	TC12B	13	7,0	23	169	Hg	
18	000572	1201011360	Nguyễn Thảo	Nguyên	30/01/2006	TC12B	13	4,0	22	168	Nguyễn	
19	000573	1201011363	Đoàn Yến	Nhi	10/12/2006	TC12B	13	3,0	21	167	Nhi	HP (đang)
20	000574	1201011366	Phạm Lan	Nhi	13/09/2006	TC12B	13	3,0	20	166	Nhi	
21	000575	1201011370	Vũ Thị	Nhung	15/06/2006	TC12B	13	4,5	15	165	Nhung	
22	000576	1201010660	Nguyễn Nam	Phong	02/06/2002	TC12B	13	6,5	31	176	Phong	
23	000577	1201011373	Trần Quang	Phú	02/01/2006	TC12B	13	4,5	17	164	Phú	
24	000578	1201011381	Nguyễn Linh	Phương	18/04/2006	TC12B	13	5,0	25	171	Phuong	
25	000579	1201011385	Trần Mai Thu	Phương	21/12/2006	TC12B	13	8,0	77	172	Phuong	
26	000580	1201011387	Lê Đức	Quang	12/02/2006	TC12B	13	9,0	28	173	Quang	
27	000581	1201011531	Hoàng Cao	Quyết	19/04/2005	TC12B	13	4,5	29	175	Quyết	
28	000582	1201011398	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	01/11/2006	TC12B	13	2,5	30	174	Tâm	
29	000583	1201011400	Nguyễn Đức	Tâm	27/04/2006	TC12B	13	Mười	32	177	Tâm	
30	000584	1201011404	Lê Thị	Thanh	08/07/2006	TC12B	13	8,5	36	179	Thanh	
31	000585	1201011060	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2006	TC12B	13	7,0	35	178	Thảo	

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Ngọc Minh Trịnh Thu Trang



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000586	1201011411	Trương Thị Thanh	Thảo	31/03/2005	TC12B	13	8,0	08	151	Thảo	
2	000587	1201011421	Hà Bách	Thuận	25/12/2006	TC12B	13	5,0	07	152	Thuận	
3	000588	1201011428	Phùng Hương	Trà	27/07/2006	TC12B	13	9,5	11	153	Trà	
4	000589	1201011439	Bùi Duy	Trường	19/01/2006	TC12B	13	2,0	05	154	Trường	
5	000590	1201011442	Nguyễn Anh	Tú	23/09/2006	TC12B	13	7,0	04	155	Tú	
6	000591	1201011658	Lê Ngọc Thảo	Vy	24/07/2006	TC12B	13	6,0	03	156	Vy	
7	000592	1201011155	Giang Đức	Anh	25/09/2006	NH12A	14	4,0	02	157	Anh	
8	000593	1201011156	Hoàng Diệp	Anh	09/01/2006	NH12A	14	8,0	01	158	Anh	
9	000594	1201011158	Hoàng Mai	Anh	22/05/2006	NH12A	14					vắng
10	000595	1201011652	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	14	2,5	39	172	Anh	
11	000596	1201011640	Nguyễn Duy	Anh	12/11/2006	NH12A	14	1,5	29	170	Anh	
12	000597	1201011172	Nguyễn Phương	Anh	01/08/2006	NH12A	14	3,5	12	159	Anh	
13	000598	1201010731	Phạm Thị Phương	Anh	31/12/2006	NH12A	14	5,5	13	160	Anh	
14	000599	1201011186	Võ Phan	Anh	01/03/2006	NH12A	14	1,5	19	161	Anh	
15	000600	1201011188	Hà Thị Nguyệt	Ánh	13/12/2006	NH12A	14	2,5	15	162	Anh	
16	000601	1201011199	Đỗ Trung	Chiến	26/06/2005	NH12A	14	9,5	37	174	Chiến	
17	000602	1201011202	Đinh Hoàng	Đạt	16/08/2006	NH12A	14	4,5	21	165	Đạt	
18	000603	1201011206	Trần Quốc	Đạt	09/07/2006	NH12A	14	4,0	22	164	Đạt	
19	000604	1201011211	Lưu Mạnh	Dũng	10/10/2006	NH12A	14	4,5	23	163	Dũng	
20	000605	1201011221	Phạm Thị Hồng	Duyên	22/08/2006	NH12A	14	8,3	38	173	Duyên	
21	000606	1201011232	Bùi Hoàng	Hải	07/08/2006	NH12A	14	6,5	25	167	Hải	
22	000607	1201011240	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	14					vắng
23	000608	1201011252	Nguyễn Vi	Hiệp	26/05/2006	NH12A	14	2,5	40	171	Hiệp	
24	000609	1201011266	Vũ Đức	Hoàng	09/10/2006	NH12A	14					vắng
25	000610	1201011795	Đinh Việt	Hùng	26/02/2005	NH12A	14	4,0	17	166	Hùng	
26	000611	1201011274	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/12/2006	NH12A	14					vắng
27	000612	1201011276	Lê Quang	Huy	26/06/2005	NH12A	14	7,0	19	176	Huy	
28	000613	1201011279	Nông Hoàng	Huy	20/05/2004	NH12A	14	3,0	28	169	Huy	
29	000614	1201011281	Vũ Đình	Huyền	07/08/2006	NH12A	14	1,5	10	175	Huyền	
30	000615	1201011809	Phạm Duy	Khánh	22/03/2006	NH12A	14	6,0	27	168	Khánh	

Tổng số sinh viên dự thi: 26

Tổng số tờ giấy thi: 26

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thuận

Đinh Thị Liên



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000616	1201011294	Đinh Thị Diệu	Linh	02/01/2006	NH12A	14	6,5	01	181	Linh	
2	000617	1201011296	Hoàng Diệu	Linh	09/06/2006	NH12A	14	4,0	02	182	Linh	
3	000618	1201011298	Hoàng Thùy	Linh	15/10/2005	NH12A	14	3,5	03	183	Linh	
4	000619	1201011313	Tạ Khánh	Linh	20/06/2005	NH12A	14	3,0	04	184	Linh	
5	000620	1201011318	Vũ Diệu	Linh	30/08/2006	NH12A	14	4,5	05	185		
6	000621	1201011336	Luyện Quang	Minh	01/10/2006	NH12A	14	7,0	06	186	Minh	
7	000622	1201011341	Nguyễn Hà	My	04/09/2006	NH12A	14	2,0	07	187	My	
8	000623	1201011797	Lê Huy	Nam	10/02/2006	NH12A	14	10	08	188	Nam	
9	000624	1201011348	Nguyễn Thị	Ngân	28/04/2006	NH12A	14	7,0	09	192	Ngân	
10	000625	1201011357	Đồng Minh	Nguyên	06/06/2006	NH12A	14	6,0	10	191	Nguyên	
11	000626	1201011620	Vũ Phương	Oanh	05/11/2006	NH12A	14	4,0	11	190	Oanh	
12	000627	1201011375	Nguyễn Tuấn	Phúc	27/04/2006	NH12A	14	7,0	12	189	Phúc	
13	000628	1201011378	Đàm Quỳnh	Phương	15/04/2006	NH12A	14	5,0	13	193	Phương	
14	000629	1201011383	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29/09/2006	NH12A	14	6,0	14	194	Thanh	
15	000630	1201011393	Phí Như	Quỳnh	09/09/2006	NH12A	14	8,5	15	195	Quỳnh	
16	000631	1201011395	Nguyễn Hùng	Son	16/08/2006	NH12A	14					Vắng
17	000632	1201011415	Bùi Duy	Thông	05/02/2006	NH12A	14	4,5	18	201	Thông	
18	000633	1201011417	Lương Thị Khánh	Thư	30/03/2006	NH12A	14	5,5	19	200	Thư	
19	000634	1201011425	Đặng Thu	Trà	04/11/2006	NH12A	14	7,0	21	196	Trà	
20	000635	1201011631	Phan Anh	Tú	22/10/2006	NH12A	14	6,0	22	197	Tú	
21	000636	1201011444	Nguyễn Đắc	Tuấn	01/05/2006	NH12A	14	4,0	23	198	Tuấn	
22	000637	1201011632	Nguyễn Chí	Uy	25/07/2006	NH12A	14	2,0	24	199	Uy	
23	000638	1201011465	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/03/2006	NH12A	14	5,5	25	205	Yến	
24	000639	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	14					HP,ĐK
25	000640	1201011676	Hồ Thị Quỳnh	Anh	01/09/2005	NH12B	15	7,0	26	204	Anh	
26	000641	1201011157	Hoàng Kỳ	Anh	13/09/2006	NH12B	15					HP,ĐK
27	000642	1201011159	Hoàng Tuấn	Anh	25/01/2006	NH12B	15	2,5	27	203	Anh	HP (đăng ký)
28	000643	1201011163	Lê Thị Tú	Anh	15/11/2006	NH12B	15					HP Vắng
29	000644	1201011169	Nguyễn Lan	Anh	28/08/2006	NH12B	15					Vắng
30	000645	1201011181	Phùng Thị Phương	Anh	26/09/2006	NH12B	15	6,0	29	202	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 25

Tổng số tờ giấy thi: 25

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Nga

Trình Thu Trang



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000646	1201011201	Đoàn Thị	Chinh	20/06/2006	NH12B	15	9,8	01	171	Chinh	
2	000647	1201011583	Nguyễn Tuấn	Đạt	03/04/2006	NH12B	15	1,5	04	183	Đạt	
3	000648	1201011207	Trần Tuấn	Đức	27/09/2006	NH12B	15	2,5	03	182	Đức	
4	000649	1201011214	Phạm Trung	Dũng	04/09/2006	NH12B	15					ĐK
5	000650	1201011223	Nguyễn Trường	Giang	25/09/2006	NH12B	15					HP,ĐK
6	000651	1201011237	Nguyễn Ngọc	Hân	28/10/2006	NH12B	15	7,0	05	184	Hân	
7	000652	1201011248	Vũ Thị Minh	Hiền	14/03/2006	NH12B	15	3,0	06	185	Hiền	
8	000653	1201011253	Hoàng Minh	Hiếu	24/09/2006	NH12B	15	3,0	08	186	Hiếu	
9	000654	1201011258	Nông Trung	Hiếu	26/07/2006	NH12B	15	2,0	15	187	Hiếu	
10	000655	1201011265	Lê Huy	Hoàng	06/01/2006	NH12B	15	2,5	35	202	Huy	
11	000656	1201011270	Vũ Thị Thu	Huệ	25/05/2006	NH12B	15	1,5	10	190	Huệ	
12	000657	1201011273	Nguyễn Đức	Hưng	18/01/2006	NH12B	15	8,0	13	189	Hưng	
13	000658	1201011778	Ngô Thị Thúy	Hường	02/11/2006	NH12B	15	muối	14	188		
14	000659	1201011278	Nguyễn Quang	Huy	05/01/2006	NH12B	15	6,0	29	193	Huy	
15	000660	1201011280	Nông Thái	Huy	20/10/2006	NH12B	15	7,0	22	196	Huy	
16	000661	1201011590	Lưu Thị	Huyền	27/07/2005	NH12B	15	5,0	20	191	Huyền	
17	000662	1201011289	Phạm Đăng	Khoa	09/11/2006	NH12B	15	7,0	28	196	Khoa	
18	000663	1201011293	Vũ Thành	Liêm	03/01/2006	NH12B	15	5,0	31	194	Liêm	
19	000664	1201011593	Hồ Thị Diệu	Linh	04/01/2006	NH12B	15	3,0	27	197	Linh	
20	000665	1201011297	Hoàng Khánh	Linh	08/01/2006	NH12B	15	8,0	26	198	Linh	
21	000666	1201011312	Phạm Hồng	Linh	28/09/2006	NH12B	15	muối	25	199	Linh	
22	000667	1201011315	Trần Thị Khánh	Linh	20/12/2006	NH12B	15	2,0	32	195	Kính	
23	000668	1201011324	Đào Khánh	Ly	30/10/2006	NH12B	15					ĐK
24	000669	1201010960	Trần Đăng	Mạnh	30/05/2006	NH12B	15					Vắng
25	000670	1201011340	Lê Thị Trà	My	15/12/2006	NH12B	15	2,5	39	205	My	
26	000671	1201011343	Nguyễn Trà	My	10/01/2006	NH12B	15	6,5	37	204	My	
27	000672	1201011345	Trần Hoàng	Nam	19/10/2006	NH12B	15	4,0	36	203	Châm	
28	000673	1201011353	Đỗ Thị Bích	Ngọc	26/07/2006	NH12B	15	2,5	33	200	Ngọc	
29	000674	1201011594	Lò Hoàng Khánh	Nhi	28/05/2006	NH12B	15					ĐK
30	000675	1201011374	Đặng Thanh	Phúc	06/01/2006	NH12B	15	2,5	19	201	Phúc	

Tổng số sinh viên dự thi: 28.....

Tổng số tờ giấy thi: 28.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Chữ ký)
Trần Thị Thu

(Chữ ký)
Đỗ Thị Liên



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000676	1201011379	Đào Minh	Phuong	13/02/2006	NH12B	15	3,5	01	181	Thường	
2	000677	1201011386	Nguyễn Đức	Quân	12/06/2006	NH12B	15	2,5	03	182		
3	000678	1201011394	Giáp Hồng	Son	24/07/2006	NH12B	15	5,0	04	183		
4	000679	1201011396	Nguyễn Thế	Son	30/12/2005	NH12B	15					HP,ĐK
5	000680	1201011403	Đào Tất	Thắng	20/01/2006	NH12B	15	1,5	05	184	Thắng	
6	000681	1201011418	Nguyễn Anh	Thư	27/02/2006	NH12B	15	8,0	06	185	Thư	
7	000682	1201011434	Nguyễn Thùy	Trang	03/12/2006	NH12B	15	Mười	07	186		
8	000683	1201011443	Hoàng Anh	Tuấn	04/05/2006	NH12B	15					ĐK
9	000684	1201011447	Trần Bùi	Tuấn	06/06/2006	NH12B	15	5,0	10	192	Buôn	
10	000685	1201011456	Nguyễn Văn	Việt	30/06/2005	NH12B	15	1,5	11	191	Việt	
11	000686	1201011466	Trần Hải	Yến	08/03/2006	NH12B	15	5,0	36	190	Yến	
12	000687	1201031781	Doãn Thị Quỳnh	Anh	20/10/2006	QT12A	16	8,5	13	189	Anh	
13	000688	1201030703	Hồ Vũ Vân	Anh	31/10/2006	QT12A	16	3,0	14	188		
14	000689	1201030710	Lưu Ngọc	Anh	11/11/2006	QT12A	16	2,5	16	187	Anh	
15	000690	1201030715	Nguyễn Đức Duy	Anh	22/05/2006	QT12A	16					HP,ĐK
16	000691	1201030720	Nguyễn Phú	Anh	18/10/2006	QT12A	16	3,0	24	199	Phu	
17	000692	1201030728	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2006	QT12A	16	3,0	23	198	Anh	
18	000693	1201030730	Phạm Thị Mai	Anh	17/02/2006	QT12A	16	3,0	22	197	Anh	
19	000694	1201031538	Quản Vân	Anh	04/05/2006	QT12A	16					ĐK
20	000695	1201030748	Doãn Quang	Bách	21/03/2006	QT12A	16	7,5	21	196	Bach	
21	000696	1201030760	Vũ Thị Kim	Chi	24/08/2006	QT12A	16	4,0	20	195	Chi	
22	000697	1201030767	Triệu Biên	Cương	27/05/2006	QT12A	16	5,0	19	194	Cương	
23	000698	1201030774	Nguyễn Thành	Đạt	08/11/2006	QT12A	16	1,5	17	193	Đạt	
24	000699	1201030778	Đỗ Huyền	Diệp	09/04/2006	QT12A	16	2,0	25	205	Diệp	
25	000700	1201030785	Nguyễn Tiến	Đức	18/05/2006	QT12A	16	Mười	27	204	Tiến	
26	000701	1201030794	Lương Chí	Dũng	25/08/2006	QT12A	16					ĐK
27	000702	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	16	7,5	28	203	Dương	
28	000703	1201030804	Nguyễn Đoàn Phong	Duy	19/04/2006	QT12A	16	2,5	29	202	Duy	
29	000704	1201030808	Vũ Thị	Duyên	12/02/2006	QT12A	16	3,0	30	201	Duyên	
30	000705	1201031548	Đỗ Ngọc	Hà	08/12/2006	QT12A	16	9,5	31	200	Hà	

Tổng số sinh viên dự thi: 25.....

Tổng số tờ giấy thi: 25.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 26... tháng 06... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Mai Phương Nguyễn Thanh Chuy



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000706	1201030822	Vũ Hồng	Hạnh	20/02/2006	QT12A	16	2,5	06	181	Hạnh	
2	000707	1201031733	Bùi Đặng Minh	Hiền	08/10/2006	QT12A	16					ĐK
3	000708	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	QT12A	16	3,5	11	187	Hoa	
4	000709	1201030843	Hà Thu	Hoài	27/09/2006	QT12A	16	7,0	17	197	Hoài	
5	000710	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	16	2,0	10	186	Hồng	
6	000711	1201030855	Đồng Mạnh	Hùng	12/09/2006	QT12A	16	7,0	12	188	Hùng	
7	000712	1201031775	Phạm Thị	Hường	01/02/2006	QT12A	16	6,5	13	189	Hường	
8	000713	1201030879	Đỗ Nam	Khánh	13/03/2006	QT12A	16					ĐK
9	000714	1201030887	Trịnh Hoàng Phú	Khánh	18/05/2006	QT12A	16					ĐK
10	000715	1201030891	Trần Việt	Khoa	25/01/2006	QT12A	16					ĐK
11	000716	1201030908	Đỗ Quang	Linh	12/10/2006	QT12A	16	9,0	22	195	Linh	
12	000717	1201030911	Hoàng Thị Thùy	Linh	12/07/2006	QT12A	16	8,5	32	200	Thùy	
13	000718	1201030928	Phạm Khánh	Linh	22/06/2006	QT12A	16					ĐK
14	000719	1201030933	Phan Thùy	Linh	15/08/2006	QT12A	16	4,5	27	201	Thùy	
15	000720	1201031767	Đương Đức	Long	10/09/2006	QT12A	16					vắng
16	000721	1201030954	Thắm Phương	Mai	13/05/2006	QT12A	16	8,0	19	196	Mai	
17	000722	1201030965	Nguyễn Hoàng Anh	Minh	03/07/2006	QT12A	16					ĐK
18	000723	1201031651	Trần Danh	Minh	08/08/2006	QT12A	16	5,5	02	184	Minh	
19	000724	1201030972	Vũ Phạm Đức	Minh	28/12/2006	QT12A	16	5,5	01	185	Đức	
20	000725	1201030982	Vũ Hải	Nam	13/11/2006	QT12A	16					ĐK
21	000726	1201031562	Chu Đỗ Khánh	Ngọc	28/02/2006	QT12A	16	6,0	03	183	Ngọc	
22	000727	1201031009	Nguyễn Quỳnh	Như	04/06/2006	QT12A	16	3,5	04	182	Như	
23	000728	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	16	2,5	14	190	Phương	
24	000729	1201031794	Nguyễn Thị Văn	Phương	11/06/2005	QT12A	16	4,0	15	191	Phương	
25	000730	1201031037	Nguyễn Thị Lệ	Quỳnh	03/11/2005	QT12A	16	2,0	16	192	Quỳnh	
26	000731	1201031043	Nguyễn Duy	Sang	22/07/2006	QT12A	16	3,5	28	202	Sang	
27	000732	1201031056	Trương Công	Thành	13/01/2001	QT12A	16	Mười	23	193	Thành	
28	000733	1201031711	Lê Thị	Thảo	12/01/2006	QT12A	16	Mười	31	199	Thảo	
29	000734	1201031070	Hồ Thị	Thoa	05/05/2006	QT12A	16	8,5	29	198	Thoa	
30	000735	1201031684	Nguyễn Thị	Thúy	25/09/2006	QT12A	16	Mười	21	194	Thúy	

Tổng số sinh viên dự thi: ...22...

Tổng số tờ giấy thi: ...22...

Tổng số biên bản: ...0.....

Ngày ... tháng ... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn I. Ngọc *Phạm Việt Hoàng*



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000736	1201031106	Tạ Nguyễn Quỳnh	Trang	27/11/2006	QT12A	16	2,5	05	214	Trang	
2	000737	1201031110	Hà Tuấn	Triệu	30/11/2006	QT12A	16	3,0	06	213	Triệu	
3	000738	1201031122	Vũ Anh	Tuấn	25/07/2006	QT12A	16	4,0	07	212	Tuấn	
4	000739	1201031130	Bùi Phạm Phương	Uyên	14/05/2006	QT12A	16	9,5	08	211	Uyên	
5	000740	1201031143	Nguyễn Long	Vũ	12/08/2006	QT12A	16		04	215	Anh	ĐK
6	000741	1201030701	Đoàn Vy	Anh	25/10/2006	QT12B	17					ĐK
7	000742	1201030706	Lê Đức	Anh	02/03/2006	QT12B	17	3,0	04	215	Anh	
8	000743	1201030712	Mai Đức	Anh	01/02/2006	QT12B	17	5,5	03	216	Đức	
9	000744	1201031814	Nguyễn Hoài	Anh	11/05/2006	QT12B	17	9,5	02	217	Anh	
10	000745	1201030723	Nguyễn Quang	Anh	21/06/2006	QT12B	17					HP,ĐK
11	000746	1201030733	Quách Thị Phương	Anh	07/10/2006	QT12B	17	4,5	01	218	Anh	
12	000747	1201030749	Phạm Băng	Băng	13/06/2006	QT12B	17	1,5	15	225	Băng	
13	000748	1201030770	Trịnh Đình	Cường	08/12/2005	QT12B	17	6,0	11	224	Cường	
14	000749	1201030782	Nguyễn Anh	Đức	11/03/2005	QT12B	17	5,0	13	223	Đức	
15	000750	1201030790	Hoàng Ngọc	Dung	15/05/2006	QT12B	17	2,5	02	222	Dung	
16	000751	1201030800	Nguyễn Khánh	Dương	21/05/2006	QT12B	17	7,0	11	221	Duy	
17	000752	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	17	4,0	10	220	Duy	
18	000753	1201030809	Trần Hương	Giang	30/11/2006	QT12B	17	1,5	09	219	Hương	
19	000754	1201031662	Nguyễn Văn	Hà	07/09/2006	QT12B	17					HP,ĐK
20	000755	1201030818	Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	QT12B	17	6,5	17	231	Hằng	
21	000756	1201030828	Nguyễn Thị	Hiền	16/12/2006	QT12B	17	5,0	18	230	Hiền	
22	000757	1201030832	Hà Văn	Hiếu	24/04/2006	QT12B	17	2,0	19	229	Hiếu	
23	000758	1201030841	Nguyễn Thị	Hoa	11/07/2006	QT12B	17	2,5	21	228	Hoa	
24	000759	1201030844	Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2006	QT12B	17	9,0	23	227	Hoài	
25	000760	1201030851	Cao Đình	Huân	24/08/2006	QT12B	17	4,5	24	226	Huân	
26	000761	1201030852	Nguyễn Thị	Huệ	11/07/2006	QT12B	17	3,5	29	235	Huệ	
27	000762	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	17	2,5	26	233	Hùng	
28	000763	1201031650	Nguyễn Trung	Hưng	18/10/2006	QT12B	17	2,5	25	232	Hưng	
29	000764	1201030868	Nguyễn Quang	Huy	09/07/2006	QT12B	17	2,0	27	234	Huy	
30	000765	1201030882	Nguyễn Duy	Khánh	03/06/2006	QT12B	17	1,5	30	236	Khánh	

Tổng số sinh viên dự thi: 26

Tổng số tờ giấy thi: 26

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Hằng

Thi Thị Liên



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000766	1201031636	Nguyễn Trung	Kiên	29/09/2003	QT12B	17	9,0	1	211	Kiên	
2	000767	1201030909	Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	QT12B	17	4,0	35	212	Diệu	(35)
3	000768	1201030919	Nguyễn Lê Phương	Linh	17/12/2006	QT12B	17	4,5	43	213	Phương	
4	000769	1201030931	Phạm Thùy	Linh	15/02/2006	QT12B	17	4,0	4	213	Thùy	
5	000770	1201030934	Tô Thị Yến	Linh	25/12/2006	QT12B	17	4,0	5	214	Yến	
6	000771	1201030944	Nhữ Ngọc	Long	26/03/2006	QT12B	17					ĐK
7	000772	1201030947	Nguyễn Hữu Thành	Luân	28/04/2006	QT12B	17	2,0	6	215	Luân	
8	000773	1201030956	Đào Đức	Mạnh	28/06/2006	QT12B	17	2,0	7	216	Mạnh	
9	000774	1201030970	Trần Quang	Minh	08/02/2006	QT12B	17	5,0	16	217	Quang	
10	000775	1201031560	Lê Đăng Trà	My	20/10/2006	QT12B	17	9,0	15	218	My	
11	000776	1201030983	Trịnh Kế	Năng	09/01/2005	QT12B	17	5,0	14	219	Năng	
12	000777	1201030995	Doãn Thị	Ngọc	10/09/2006	QT12B	17	5,0	33	239	Ngọc	
13	000778	1201031003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	01/10/2006	QT12B	17	6,0	10	221	Minh	
14	000779	1201031012	Lưu Hồng	Nhung	27/12/2006	QT12B	17	6,5	40	236	Hồng	
15	000780	1201031038	Nguyễn Thị Thu	Quyên	21/03/2006	QT12B	17	5,0	13	220	Thu	
16	000781	1201031051	Dương Duy	Thái	01/09/2006	QT12B	17	1,5	17	222	Thái	
17	000782	1201031057	Đào Thị Phương	Thảo	28/10/2006	QT12B	17	3,5	19	223	Thảo	
18	000783	1201031061	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	QT12B	17	2,5	20	224	Thảo	
19	000784	1201031071	Đặng Kim	Thu	10/10/2006	QT12B	17	2,0	22	225	Thu	
20	000785	1201031574	Đào Thanh	Trà	23/11/2006	QT12B	17	2,0	56	235	Thanh	
21	000786	1201031099	Nguyễn Thị Hồng	Trang	26/05/2006	QT12B	17	2,0	24	226	Trang	
22	000787	1201031107	Trịnh Thùy	Trang	21/09/2006	QT12B	17	2,0	25	233	Trang	
23	000788	1201031111	Nguyễn Quốc	Triệu	26/09/2006	QT12B	17	3,5	26	232	Quốc	
24	000789	1201031127	Trần Anh	Tuyên	05/05/2006	QT12B	17	4,0	27	231	Tuyên	
25	000790	1201031132	Hà Thị Mỹ	Uyên	19/10/2006	QT12B	17	3,5	28	230	Mỹ	
26	000791	1201031150	Lê Ngọc	Yến	31/01/2006	QT12B	17	4,5	29	229	Ngọc	
27	000792	1201030702	Dương Thị Quỳnh	Anh	14/09/2006	QT12C	18	1,5	31	228	Quỳnh	
28	000793	1201030707	Lê Hồ Tuyết	Anh	20/10/2006	QT12C	18	4,5	32	227	Tuyết	
29	000794	1201030713	Nguyễn Bùi Phương	Anh	21/04/2006	QT12C	18	7,0	33	235	Phương	
30	000795	1201030719	Nguyễn Như Quỳnh	Anh	13/03/2006	QT12C	18	1,5	34	234	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: ...29....

Tổng số tờ giấy thi:29.

Tổng số biên bản:0...

Ngày 26 tháng 6... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Chữ ký)
Cán bộ coi thi 1: Lê Thị Thu Lan
Cán bộ coi thi 2: Trịnh Thu Trang



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000796	1201030734	Quản Văn	Anh	10/07/2006	QT12C	18	4,5	01	2M	Anh	
2	000797	1201030746	Vũ Ngọc	Ánh	29/01/2006	QT12C	18	3,0	04	214	Anh	
3	000798	1201031769	Nguyễn Đức	Cảnh	13/03/2006	QT12C	18					HP,ĐK
4	000799	1201030765	Đặng Biên	Cương	14/04/2006	QT12C	18	2,0	05	215	Biên	
5	000800	1201030771	Bùi Hồng	Đặng	17/10/2006	QT12C	18	5,5	06	216	Đặng	
6	000801	1201030777	Vũ Tiến	Đạt	25/12/2005	QT12C	18	1,5	04	217	Đạt	
7	000802	1201030783	Nguyễn Hữu Phú	Đức	13/07/2006	QT12C	18	2,0	36	218	Đức	
8	000803	1201030792	Phạm Thị Thùy	Dung	30/10/2006	QT12C	18	4,5	14	219	Dung	
9	000804	1201030797	Đinh Thùy	Dương	22/03/2006	QT12C	18	1,5	13	220	Dương	
10	000805	1201030803	Phạm Văn Hoàng	Dương	14/02/2006	QT12C	18	5,0	02	212	Dương	
11	000806	1201030806	Nguyễn Hoàng	Duy	06/01/2006	QT12C	18	1,5	38	216	Duy	
12	000807	1201030810	Chu Thị	Hà	13/05/2006	QT12C	18	8,0	10	223	Hà	
13	000808	1201030816	Phạm Nam	Hải	18/09/2006	QT12C	18	3,0	03	213	Hải	
14	000809	1201030819	Mai Thị	Hằng	05/11/2005	QT12C	18	1,5	37	221	Hằng	
15	000810	1201030834	Nguyễn Trung	Hiếu	25/07/1999	QT12C	18	5,5	35	222	Huân	
16	000811	1201031553	Bế Thị Thu	Hoài	22/04/2006	QT12C	18	3,5	09	224	Hoài	
17	000812	1201031764	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/2006	QT12C	18					HP,ĐK
18	000813	1201030857	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/11/2006	QT12C	18	3,5	27	235	Hùng	
19	000814	1201030860	Đỗ Duy	Hung	29/09/2006	QT12C	18					HP
20	000815	1201031660	Nguyễn Văn	Hung	05/12/2006	QT12C	18	1,5	19	225	Huân	
21	000816	1201030873	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/04/2006	QT12C	18	6,0	24	229	Huyền	
22	000817	1201030885	Trần Văn	Khánh	02/09/2006	QT12C	18	8,0	28	228	Khánh	
23	000818	1201030890	Lý Duy	Khoa	15/09/2006	QT12C	18	2,0	22	227	Khoa	
24	000819	1201030900	Phạm Chi	Lan	12/04/2006	QT12C	18					HP,ĐK
25	000820	1201030904	Đào Khánh	Linh	20/03/2006	QT12C	18	4,0	21	226	Linh	
26	000821	1201030910	Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	QT12C	18	3,5	32	233	Linh	
27	000822	1201030926	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/2006	QT12C	18	4,0	31	232	Linh	
28	000823	1201030932	Phan Thị Dương	Linh	16/09/2006	QT12C	18	5,5	30	231	Đức	
29	000824	1201030939	Vũ Khánh	Linh	25/01/2006	QT12C	18	7,0	29	230	Khánh	
30	000825	1201030946	Vũ Xuân Hoàng	Long	15/02/2006	QT12C	18	2,0	28	234	Long	

Tổng số sinh viên dự thi: 26.....

Tổng số tờ giấy thi: 26.....

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 16 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Việt Phương



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000826	1201011292	Nguyễn Thị	Lan	25/05/2006	NH12A	14	4,0	01	211	Lan.	
2	000827	1201011191	Lê Gia	Bảo	22/10/2006	NH12B	15					HP,ĐK
3	000828	1201011376	Nguyễn Việt	Phúc	15/02/2005	NH12B	15	4,0	03	213	Phúc	
4	000829	1201030817	Phạm Nguyễn Tuấn	Hải	11/01/2003	QT12A	16	9,5	05	215	Hải	
5	000830	1201031098	Nguyễn Thị Hà	Trang	15/05/2006	QT12A	16	2,5	06	216	Trang	
6	000831	1201030889	Vũ Quang Nam	Khánh	24/10/2006	QT12B	17	2,5	07	217	Khánh	
7	000832	1201030725	Nguyễn Thị Phương	Anh	05/02/2006	QT12C	18					HP,ĐK
8	000833	1201030950	Dương Ánh	Ly	07/08/2006	QT12C	18	7,0	04	214	Ly	
9	000834	1201030959	Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2006	QT12C	18	1,5	29	232	Mạnh	
10	000835	1201030971	Trịnh Bảo	Minh	15/07/2006	QT12C	18	1,5	10	223	Minh	
11	000836	1201030974	Nguyễn Thị Trà	My	10/03/2006	QT12C	18	3,0	11	222	My	
12	000837	1201030994	Bùi Minh	Ngọc	06/09/2006	QT12C	18	4,0	31	231	Ngọc	
13	000838	1201030997	Lê Hà Tuấn	Ngọc	21/08/2006	QT12C	18	7,5	13	221	Ngọc	
14	000839	1201031007	Phạm Thị Yến	Nhi	03/09/2006	QT12C	18	7,0	14	220	Nhi	
15	000840	1201031035	Vũ Đức	Quân	05/03/2005	QT12C	18	5,5	15	219	Quân	
16	000841	1201031041	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/09/2006	QT12C	18	2,5	16	218	Quỳnh	
17	000842	1201031052	Nguyễn Đình	Thái	27/11/2006	QT12C	18	1,5	17	224	Thái	
18	000843	1201031058	Đỗ Bích	Thảo	15/11/2006	QT12C	18	6,0	02	212	Thảo	
19	000844	1201031068	Nguyễn Đức	Thọ	17/11/2006	QT12C	18	3,5	19	225	Thọ	
20	000845	1201031089	Bùi Huyền	Trang	13/09/2006	QT12C	18	1,5	20	226	Trang	
21	000846	1201031096	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/01/2006	QT12C	18	6,0	21	227	Trang	
22	000847	1201031101	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/10/2006	QT12C	18	5,0	22	228	Trang	
23	000848	1201031109	Vũ Thị Huyền	Trang	27/11/2006	QT12C	18	7,5	23	229	Trang	
24	000849	1201031121	Phạm Đắc Thái	Tuấn	28/09/2006	QT12C	18	3,0	37	235	Tuấn	
25	000850	1201031129	Nguyễn Văn	Ước	28/03/2006	QT12C	18	1,5	27	234	Ước	
26	000851	1201031579	Hoàng Danh	Việt	16/11/2000	QT12C	18					HP,ĐK
27	000852	0901010354	Nguyễn Thu	Hằng	29/09/2003	QT9B	18	3,5	28	233	Hằng	
28	000853	1201030695	Đỗ Thành	An	12/12/2006	QM12A	19	5,0	32	230	An	

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 4

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 05 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hằng

Phạm Thị Chanh



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000854	1201030705	Hoàng Thị Mai	Anh	16/11/2006	QM12A	19	2,0	1	1	Ma Anh	
2	000855	1201030716	Nguyễn Hà Hoàng	Anh	09/04/2006	QM12A	19					ĐK
3	000856	1201031779	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/08/2006	QM12A	19	5,0	2	2	Anh	
4	000857	1201030729	Phạm Phương	Anh	09/01/2006	QM12A	19	4,0	30	21	Anh	
5	000858	1201030738	Trần Việt	Anh	20/07/2006	QM12A	19					ĐK
6	000859	1201030740	Vũ Đặng Châu	Anh	30/04/2005	QM12A	19	5,5	4	3	Anh	
7	000860	1201030753	Lý Mạnh	Cao	22/10/2006	QM12A	19	10	5	4	Go	
8	000861	1201030756	Nguyễn Minh	Châu	07/02/2006	QM12A	19	7,0	6	05	Châu	
9	000862	1201030766	Đoàn Đại	Cương	08/09/2006	QM12A	19	3,0	7	06	Cương	
10	000863	1201030781	Ngô Minh	Đức	30/07/2006	QM12A	19	3,0	8	07	Đ	
11	000864	1201030787	Phạm Văn	Đức	26/09/2006	QM12A	19	2,5	13	10		
12	000865	1201030796	Đặng Thùy	Dương	02/10/2006	QM12A	19	2,5	14	09	Thùy	
13	000866	1201030807	Trương Thị Mỹ	Duyên	10/09/2006	QM12A	19	2,0	15	08	Duyên	
14	000867	1201031643	Nguyễn Trường	Giang	24/03/2004	QM12A	19					vắng
15	000868	1201030813	Phí Thu	Hà	23/10/2006	QM12A	19	3,0	12	11	Hà	
16	000869	1201030825	Nguyễn Hữu	Hào	23/11/2006	QM12A	19	2,0	11	12	Hào	
17	000870	1201030835	Phạm Trần	Hiếu	25/12/2006	QM12A	19	9,5	10	13	Hiếu	
18	000871	1201030845	Phạm Quốc	Hoan	05/06/2006	QM12A	19	5,5	09	14	Đ	
19	000872	1201030859	Đình Văn	Hưng	14/04/2006	QM12A	19	2,5	21	17	Thy	
20	000873	1201030865	Vũ Thị	Hương	17/09/2006	QM12A	19	1,5	22	18	Hương	
21	000874	1201030883	Phạm Nam	Khánh	25/08/2006	QM12A	19					HP,ĐK
22	000875	1201030901	Cao Thị Hồng	Liên	28/07/2006	QM12A	19	2,0	23	19	Liên	
23	000876	1201030906	Đình Phương	Linh	31/08/2006	QM12A	19	2,5	24	20	Linh	
24	000877	1201030915	Nguyễn Diệu	Linh	18/08/2006	QM12A	19	4,0	19	06	Linh	
25	000878	1201030922	Nguyễn Thị	Linh	19/08/2006	QM12A	19	4,0	27	22	Linh	
26	000879	1201030930	Phạm Thị Khánh	Linh	03/12/2006	QM12A	19	4,0	18	16	Linh	
27	000880	1201031742	Chu Huy	Long	02/06/2006	QM12A	19	1,5	17	15	Long	

Tổng số sinh viên dự thi: 22.....

Tổng số tờ giấy thi: 23.....

Tổng số biên bản: 12.....

Ngày 26. tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Việt Hương

Phạm Việt Hương

Phạm Việt Hương

Phạm Việt Hương



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000881	1201031798	Phạm Hoàng	Long	24/07/2006	QM12A	19	2,0	33	25	Long	Có thi
2	000882	1201030949	Đào Thị Cẩm	Ly	02/10/2006	QM12A	19	5,5	04	06	Ly	
3	000883	1201030953	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	05/08/2006	QM12A	19	3,5	03	05	Mai	
4	000884	1201031649	Đinh Quang	Minh	02/10/1999	QM12A	19	9,0	04	04	m2	
5	000885	1201030968	Phạm Công	Minh	23/07/2006	QM12A	19	2,0	05	03	Minh	MH:03
6	000886	1201030975	Nguyễn Thị Trà	My	08/10/2006	QM12A	19	2,0	06	02	Trà	
7	000887	1201030989	Phạm Ngọc	Ngân	24/05/2006	QM12A	19	4,5	07	01	Ngân	
8	000888	1201031661	Đặng Khánh	Ngọc	24/02/2006	QM12A	19	2,0	14	10	Ngọc	
9	000889	1201031001	Đinh Thị Minh	Nguyệt	22/03/2006	QM12A	19	3,0	13	09	Nguyệt	
10	000890	1201031015	Trần Kim	Oanh	19/09/2006	QM12A	19	5,0	24	13	Oanh	
11	000891	1201031019	Dương Thị Hà	Phuong	12/09/2006	QM12A	19	2,0	31	23	Phuong	
12	000892	1201031026	Phạm Hà	Phuong	11/07/2006	QM12A	19	9,5	29	22	Phạm	
13	000893	1201031039	Vũ Thị Lệ	Quỳnh	02/08/2006	QM12A	19	4,0	22	14	Quỳnh	
14	000894	1201031605	Trần Hoài	Son	15/09/2006	QM12A	19	3,0	16	12	Son	
15	000895	1201031053	Nguyễn Văn	Thái	05/06/2006	QM12A	19	2,0	19	17	Thái	
16	000896	1201031059	Đoàn Thị Phương	Thảo	28/09/2006	QM12A	19	2,0	20	16	Thảo	
17	000897	1201031064	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/2006	QM12A	19	4,0	11	07	Thảo	
18	000898	1201031075	Trần Thị	Thu	12/08/2006	QM12A	19	3,0	10	08	Thu	
19	000899	1201031078	Đỗ Thị	Thùy	29/10/2006	QM12A	19	Một	21	15	Thùy	
20	000900	1201031080	Hoàng Thị Thanh	Thúy	02/01/2006	QM12A	19					Vắng
21	000901	1201031083	Đặng Thị Thanh	Thùy	03/09/2006	QM12A	19	2,0	32	24	Thùy	
22	000902	1201031087	Lê Thị	Trà	15/05/2006	QM12A	19	3,0	15	11	Trà	
23	000903	1201031093	Ngô Thị Kiều	Trang	21/03/2006	QM12A	19	4,0	27	20	Trang	
24	000904	1201031112	Đặng Thị	Trình	29/01/2006	QM12A	19	4,0	26	21	Trình	
25	000905	1201031576	Nguyễn Như Cẩm	Tú	28/09/2006	QM12A	19	6,0	28	19	Cam	
26	000906	1201031125	Nguyễn Xuân	Tùng	17/11/2006	QM12A	19	2,0	17	18	Tùng	
27	000907	1201031134	Nguyễn Phương	Uyên	12/10/2005	QM12A	19					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....24+1=25

Tổng số tờ giấy thi:.....24+1=25

Tổng số biên bản:.....6.....

Ngày ..26 tháng ..6.. Năm ..2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Minh Ngọc

Phạm Thị Chanh



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000908	1201031137	Nguyễn Văn	Vĩ	12/07/2006	QM12A	19	3,0	1	1		
2	000909	1201031816	Lê Quang	Vinh	25/01/2004	QM12A	19	Một	2	2		
3	000910	1201030709	Lê Thị Ngọc	Anh	20/09/2006	QM12B	20	3,0	3	3		
4	000911	1201030724	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/04/2006	QM12B	20	2,0	4	4		
5	000912	1201031536	Nguyễn Trâm	Anh	09/02/2006	QM12B	20	5,5	5	5		
6	000913	1201031668	Trần Đức	Anh	27/09/2006	QM12B	20	6,0	6	6		
7	000914	1201030739	Trương Thị Mai	Anh	08/12/2006	QM12B	20	2,5	7	7		
8	000915	1201030741	Vũ Lan	Anh	17/02/2006	QM12B	20	5,0	37	19	Anh	
9	000916	1201030754	Phan Thùy	Châm	08/05/2006	QM12B	20	2,0	9	13	Châm	
10	000917	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	QM12B	20	8,5	10	12	Chiều	
11	000918	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	QM12B	20	7,0	11	11	Dương	
12	000919	1201030799	Lê Đăng	Dương	04/08/2006	QM12B	20					ĐK
13	000920	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	QM12B	20	3,5	13	10	Giang	
14	000921	1201030811	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21/11/2006	QM12B	20	6,5	14	09	Hà	
15	000922	1201030824	Lê Thanh	Hào	17/12/2006	QM12B	20	6,0	38	20	Hào	
16	000923	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiên	07/08/2006	QM12B	20	6,0	16	09	Hiên	
17	000924	1201030836	Trần Trung	Hiếu	12/01/2006	QM12B	20					ĐK
18	000925	1201031674	Chu Mạnh	Hùng	15/01/2006	QM12B	20	3,0	39	21	Hùng	
19	000926	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	20	1,5	20	14	Huyền	HP đã nộp
20	000927	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	20					ĐK
21	000928	1201030896	Trần Thanh	Lâm	08/02/2005	QM12B	20					HP,ĐK
22	000929	1201030905	Đinh Nguyễn Hải	Linh	19/03/2006	QM12B	20					HP,ĐK
23	000930	1201030914	Ngô Thị	Linh	04/01/2006	QM12B	20	2,0	23	15	Linh	
24	000931	1201030916	Nguyễn Hà Khánh	Linh	05/09/2006	QM12B	20	3,5	24	16	Linh	
25	000932	1201030924	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/11/2006	QM12B	20	2,0	25	17	Linh	
26	000933	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	20					ĐK
27	000934	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	20	Không	27	18	Linh	Biên bản

Tổng số sinh viên dự thi: ...27...

Tổng số tờ giấy thi: ...27...

Tổng số biên bản: ...01...

Ngày ...25... tháng ...06... Năm ...2025...

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hằng

Đỗ Thị Liên



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000935	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	20	2,0	01	01	Phan	
2	000936	1201031679	Lâm Khánh Bảo	Long	12/04/2006	QM12B	20	3,5	02	02	Long	
3	000937	1201030945	Vũ Gia	Long	18/01/2006	QM12B	20					HP,ĐK
4	000938	1201031642	Lê Tuyết	Mai	10/11/2006	QM12B	20	2,0	19	9	Mai	
5	000939	1201030964	Nguyễn Hoàng	Minh	13/03/2006	QM12B	20	1,5	03	03	Minh	
6	000940	1201031747	Bùi Thị Quỳnh	Nga	03/01/2006	QM12B	20	2,0	04	04	Su	
7	000941	1201030993	Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	20	2,5	05	05	Ngoan	
8	000942	1201030999	Lương Minh	Ngọc	22/07/2006	QM12B	20	3,0	06	06	Ngoc	
9	000943	1201031766	Nguyễn Thị	Oanh	11/06/2006	QM12B	20	4,0	07	07	Oanh	
10	000944	1201031017	Trần Hồng	Phúc	31/10/2006	QM12B	20	2,5	32	21	Phuc	
11	000945	1201031020	Lê Thị Thu	Phương	29/10/2006	QM12B	20	2,0	21	17	Phuong	
12	000946	1201031027	Đinh Thị	Phượng	02/09/2006	QM12B	20					HP,ĐK
13	000947	1201031036	Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	20	1,5	10	08	Quang	
14	000948	1201030667	Đỗ Ngọc	Sáng	22/11/2006	QM12B	20	1,5	28	19	Sang	
15	000949	1201031046	Phạm Thái	Son	21/07/2006	QM12B	20	2,0	18	10	Son	
16	000950	1201031569	Lê Thanh	Tâm	06/06/2006	QM12B	20	Không	31	26	Tam	BB
17	000951	1201031055	Phạm Tiến	Thành	08/09/2006	QM12B	20					ĐK
18	000952	1201031077	Ngô Thị Minh	Thuy	11/09/2006	QM12B	20	2,5	14	11	Thuy	
19	000953	1201031079	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/07/2006	QM12B	20	4,5	15	12	Thuy	
20	000954	1201031082	Nguyễn Thu	Thúy	16/12/2006	QM12B	20	1,5	16	13	Thuy	
21	000955	1201031085	Nguyễn Văn	Tiến	14/06/2006	QM12B	20					ĐK
22	000956	1201031091	Hà Kiều	Trang	06/06/2003	QM12B	20	3,5	17	14	Trang	
23	000957	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	20					ĐK
24	000958	1201031575	Nguyễn Việt	Trinh	19/09/2006	QM12B	20	1,5	29	18	Trinh	
25	000959	1201031116	Nguyễn Thanh	Tú	25/09/2006	QM12B	20					ĐK
26	000960	1201031753	Bùi Ngọc	Tuyền	06/08/2006	QM12B	20	1,5	19	15	Tuyen	

Tổng số sinh viên dự thi: 20...

Tổng số tờ giấy thi: 20.....

Tổng số biên bản: 1.....

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Huyền
Trinh Thu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2024-2025
Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000242	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	05	5,0	20	1b	Mai	

Tổng số sinh viên dự thi: 1.....
Tổng số tờ giấy thi: 1.....
Tổng số biên bản: 0.....

Hưng Yên, ngày 26 tháng 6 năm 2025
Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Hải

Trịnh Thu Trang